

chủ trì thẩm tra quyết toán và có ý kiến nhận xét bằng văn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư do UBND tỉnh quyết định đầu tư.

+ Các công trình, hạng mục công trình hoàn thành thuộc các DADT có giá trị từ 1 tỷ đồng trở xuống Cục trưởng Cục Đầu tư Phát triển được UBND tỉnh ủy quyền việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán sau đó báo cáo UBND tỉnh và thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính Vật giá biết.

+ Các công trình, hạng mục công trình hoàn thành thuộc DADT có giá trị trên 1 tỷ đồng. Cục Đầu tư Phát triển chủ trì cùng các cơ quan chuyên môn Sở Tài chính Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng thẩm tra và lập tờ trình trình UBND tỉnh phê duyệt.

2 - 2: Các dự án do UBND huyện và thị xã quyết định đầu tư, cơ quan tài chính và kho bạc huyện, thị xã thẩm tra quyết toán trình UBND huyện, thị xã phê duyệt.

2 - 3: Các công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành được đầu tư bằng các nguồn vốn khác thì thực hiện theo hướng dẫn trong Thông tư 66 ngày 2-11-1996 của Bộ Tài chính để quyết toán công trình.

**Điều 20:** Hình thức tổ chức thực hiện dự án đầu tư.

1. Hình thức tổ chức thực hiện DADT được xác định ngay từ quá trình lập dự án và được ghi tại quyết định đầu tư.

2. Những dự án đầu tư được UBND tỉnh giao cho các Sở: Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa Thông tin, Sở Y tế và các DADT do UBND thị xã Phủ Lý quản lý, (trừ các dự án đầu tư có mức vốn lớn và yêu cầu kỹ thuật phức tạp) áp dụng hình thức chủ nhiệm điều hành dự án theo từng lĩnh vực đầu tư và khu vực tập trung, giúp việc chủ nhiệm điều hành dự án,

có BQLDA đủ năng lực thực hiện các chức năng đầu mối trong việc tổ chức lập và trình duyệt DADT, thiết kế kỹ thuật - tổng dự án, quản lý quá trình thực hiện đầu tư cho tới khi nghiệm thu bàn giao và thanh quyết toán công trình, thông qua việc ký kết hợp đồng với các tổ chức tư vấn, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây lắp nhằm thực hiện việc chuyên môn hóa từng lĩnh vực bảo đảm chất lượng và hiệu quả của quá trình đầu tư và xây dựng.

3. Các lĩnh vực khác Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện các hình thức tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định của Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

**Điều 21:** Bảo hiểm và bảo hành công trình.

1. Chủ đầu tư các DADT thuộc mọi nguồn vốn khi thực hiện DADT tại địa bàn tỉnh Hà Nam phải tiến hành mua bảo hiểm công trình xây dựng tại Công ty Bảo hiểm (Bảo Việt) tại địa phương. Đối tượng mua bảo hiểm, loại hình bảo hiểm, cách thức tiến hành mua bảo hiểm, thanh toán phí bảo hiểm và bồi thường, thực hiện đúng Thông tư số 65-TC/ĐTPT ngày 2-11-1996 hướng dẫn bảo hiểm các công trình xây dựng của Bộ Tài chính.

- Đối với các công trình thuộc nguồn vốn Nhà nước chi phí bảo hiểm được đưa vào tổng dự toán, dự toán công trình và kế hoạch, chi tiết sử dụng vốn hàng năm.

2. Các tổ chức nhận thầu xây lắp, các tổ chức tư vấn phải mua bảo hiểm cho người lao động, vật tư thiết bị, các sản phẩm khảo sát, thiết kế trong quá trình thực hiện dự án, phí bảo hiểm được tính vào chi phí sản xuất.

3. Các doanh nghiệp xây lắp khi kết thúc xây dựng các công trình thuộc DADT tại địa bàn tỉnh Hà Nam có nghĩa vụ phải sửa chữa các hư hỏng do doanh nghiệp gây nên cho công trình trong thời gian bảo hành. Thời gian

bảo hành, trách nhiệm bảo hành kinh phí bảo hành thực hiện đúng theo quy chế bảo hành công trình xây dựng kèm theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng số 499/BXD - GD ngày 18-9-1996.

**Điều 22:** Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

1. Công tác thanh tra và kiểm tra chuyên ngành về đầu tư và xây dựng do cơ quan chức năng Nhà nước theo từng lĩnh vực quản lý thực hiện. Tất cả các hoạt động đầu tư và xây dựng đều phải chịu sự thanh tra và kiểm tra chuyên ngành theo các quy định hiện hành.

2. Thanh tra, kiểm tra tất cả các khâu của quá trình đầu tư và xây dựng hoặc khi có vụ việc vi phạm nghiêm trọng cần phải xử lý ngay thì UBND tỉnh quyết định thành lập đoàn thanh tra và kiểm tra liên ngành cho từng dự án và từng vụ việc cụ thể.

3. Mọi tổ chức và cá nhân thuộc chủ đầu tư, tổ chức tư vấn, cung ứng thiết bị, thi công xây lắp cũng như mọi tổ chức cá nhân làm công tác thẩm định dự án - thiết kế - dự toán và thanh quyết toán nếu có vi phạm gây thiệt hại sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo mức độ vi phạm.

#### **CHƯƠNG IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 23:** Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh, các tổ chức cá nhân có thực hiện đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam có trách nhiệm thực hiện bản quy định này.

Các cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng, các cơ quan quản lý chuyên ngành của tỉnh tổ chức thực hiện và hướng dẫn cụ thể để thực hiện quy định này.

**Điều 24:** Bản quy định này thay thế cho bản quy định của UBND tỉnh Hà Nam ban hành theo Quyết định 638/QĐUB ngày 8-7-1995 của UBND tỉnh Hà Nam có hiệu lực kể từ ngày ban hành và áp dụng đối với mọi thành phần kinh tế trong toàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc cần phản ánh về Sở Xây dựng tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung cho phù hợp.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

K.T chủ tịch

*Phó chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯƠNG**

**QUYẾT ĐỊNH của UBND tỉnh Hà Nam số 466/QĐ-UB ngày 3 tháng 7 năm 1997 quy định tổ chức thực hiện Nghị định số 43/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, tại tỉnh Hà Nam.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 21-6-1994;*

*Căn cứ Nghị định số 43/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu;*

*Căn cứ Thông tư Liên bộ số 02/TTLB ngày 25-2-1997 của liên Bộ Xây dựng - Thương mại - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện quy chế đấu thầu;*

*Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư,*

## QUYẾT ĐỊNH :

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này bản quy định tổ chức thực hiện Nghị định số 43/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu tại tỉnh Hà Nam.

**Điều 2:** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị, các chủ đầu tư xây dựng các công trình đóng trên địa bàn toàn tỉnh, các đơn vị thi công, các công ty tư vấn xây dựng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

K.T chủ tịch

*Phó chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯỜNG**

**QUY ĐỊNH tổ chức thực hiện Nghị định 43/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu của UBND tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo QĐ số 466/QĐ-UB ngày 3-7-1997 của UBND tỉnh Hà Nam.**

### CHƯƠNG I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1:** Những nội dung tại quy định này là cụ thể hóa một số điều khoản chủ yếu của quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định 43/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế 43/CP) và một số điểm của Thông tư Liên bộ số 02/TTLB ngày

25-2-1997 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng, Bộ Thương mại về việc hướng dẫn thực hiện quy chế đấu thầu (sau đây gọi tắt là Thông tư 02/TTLB). Thông tư số 07/BKH-VPXT ngày 29-4-1997 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung một số nội dung thực hiện quy chế đấu thầu đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/BKH-VPXT) là những nguyên tắc để các cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng của tỉnh và mọi tổ chức, cá nhân có thực hiện đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam tổ chức thực hiện.

**Điều 2:** Những nội dung có liên quan đến công tác đấu thầu không nêu trong quy định này đều phải thực hiện đúng theo các quy định tại các Quy chế 43/CP, Thông tư 02/TTLB và Thông tư 07/BKH-VPXT. Trong trường hợp các cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng của tỉnh cần ra văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể, phải có văn bản thỏa thuận của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi trình UBND tỉnh xem xét và cho phép ban hành.

**Điều 3:** Phạm vi áp dụng bao gồm:

1. Các dự án đầu tư được UBND tỉnh ra quyết định đầu tư theo Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 42/CP ngày 16-7-1996 của Chính phủ là những DẠĐT do Nhà nước cân đối vốn đầu tư, những dự án đầu tư thuộc các doanh nghiệp Nhà nước, những dự án đầu tư do Nhà nước bảo lãnh vốn và những DẠĐT sử dụng vốn ODA theo Nghị định số 20/CP ngày 15-3-1994 của Chính phủ.

2. Các DẠĐT liên doanh của các doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam với nước ngoài, với nước góp vốn pháp định của bên Việt Nam từ 30% trở lên, đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư theo các quy định hiện hành.

3. Đấu thầu để chọn các đối tác dự án liên doanh và hợp tác kinh doanh dự án 100% vốn nước ngoài, dự án thực hiện theo phương thức BOT (xây dựng - vận hành - chuyển giao) hoặc BT (xây dựng - chuyển giao) được áp dụng theo quy định riêng.

4. Ngoài những dự án trên tuy không bắt buộc nhưng khuyến khích áp dụng quy chế đấu thầu.

#### **Điều 4:** Hình thức lựa chọn nhà thầu.

Thực hiện theo Điều 3 của Quy chế 43/CP và điểm 2 phần thứ nhất của Thông tư 02/TTLB.

Hình thức lựa chọn nhà thầu được xác định ngay trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

1. Đấu thầu rộng rãi: Là hình thức khuyến khích không hạn chế nhà thầu tham gia, được áp dụng rộng rãi, được thông báo công khai trên các hình thức thông tin đại chúng như báo, đài và ghi rõ các điều kiện, thời gian dự thầu và các thông tin cần thiết khác, hình thức này nhằm đạt tính cạnh tranh cao giữa các nhà thầu.

2. Đấu thầu hạn chế: là hình thức áp dụng trong các trường hợp sau:

- Chỉ có một số nhà thầu đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ mời thầu, nhưng tối thiểu phải có 3 nhà thầu có đủ khả năng tham gia.

- Các nguồn vốn sử dụng có yêu cầu tiến hành đấu thầu hạn chế.

- Do yêu cầu tiến độ thực hiện dự án được UBND tỉnh quyết định cho phép.

#### 3. Chỉ định thầu :

a) Là hình thức đặc biệt, được áp dụng đối với các gói thầu sử dụng vốn Nhà nước. Bên mời thầu chỉ thương thảo hợp đồng với một nhà thầu do UBND tỉnh chỉ định, nếu không đạt yêu cầu mới thương thảo với một nhà

thầu khác. Hình thức chỉ định được áp dụng trong các trường hợp :

- Dự án có tính nghiên cứu thí nghiệm.

- Dự án có tính cấp bách do thiên tai, dịch họa.

- Dự án có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng.

- Dự án có tính chất bí mật Quốc gia, an ninh quốc phòng.

- Một số dự án đặc biệt được Chính phủ cho phép.

b) Trước khi phê duyệt kế hoạch đấu thầu, các dự án thuộc nhóm B, nếu có gói thầu trị giá trên 500 triệu đồng, cần áp dụng hình thức chỉ định thầu, UBND tỉnh phải báo cáo Chính phủ cho phép.

c) Các hạng mục di dời đường dây điện, đường ống cấp thoát nước, đường dây điện thoại, khi thi công công trình do các cơ quan chuyên ngành quản lý thì chủ đầu tư được phép chỉ định thầu cho các đơn vị chuyên ngành thực hiện.

d) Khuyến khích các DADT không sử dụng vốn Nhà nước tổ chức đấu thầu, khuyến khích các dự án được phép chỉ định thầu chuyển sang hình thức đấu thầu toàn bộ hoặc từng phần dự án khi có điều kiện.

**Điều 5:** Giá xét thầu (đối với đấu thầu xây lắp).

1. Đối với đấu thầu xây lắp, bên mời thầu phải sử dụng giá xét thầu để làm một trong những căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu.

Giá xét thầu do cơ quan xét duyệt dự toán của gói thầu đó quyết định theo sự ủy quyền của UBND tỉnh và chỉ được thông báo sau thời điểm hết hạn nộp thầu và trước thời điểm mở thầu.

2. Giá xét thầu được xác định theo những căn cứ sau :

- Yêu cầu và những chỉ dẫn nêu trong hồ sơ mời thầu.

- Tổng dự toán hoặc dự toán đã được duyệt.

- Tổng mức đầu tư của dự án, nếu chưa có tổng dự toán hoặc dự toán được duyệt.

Giá xét thầu phải nằm trong phạm vi của tổng dự toán hoặc dự toán được duyệt và không được vượt tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt.

3. Giá trúng thầu không được vượt giá xét thầu đã được quyết định.

## **CHƯƠNG II**

### **QUẢN LÝ ĐẤU THẦU**

**Điều 6:** UBND tỉnh là cơ quan quản lý Nhà nước về công tác đấu thầu, đối với tất cả các tổ chức và cá nhân thực hiện đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Theo quy định của pháp luật UBND tỉnh có trách nhiệm:

1. Chỉ định hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức áp dụng trong các quyết định phê duyệt DADT đối với các dự án thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quyết định đầu tư.

2. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu và kết quả đấu thầu đối với :

a) Các gói thầu thuộc các DADT nhóm A gồm :

Các gói thầu tuyển chọn tư vấn có giá trị dưới 10 tỷ đồng, các gói thầu mua sắm vật tư thiết bị và xây lắp có giá trị dưới 50 tỷ đồng.

b) Các gói thầu thuộc các DADT nhóm B gồm :

Các gói thầu tuyển chọn tư vấn có giá trị từ 500 triệu đồng đến 10 tỷ đồng, các gói thầu mua sắm vật tư thiết bị và xây lắp có giá trị từ 3 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, riêng các gói thầu tuyển chọn tư vấn có giá trị trên 10 tỷ đồng,

các gói thầu mua sắm vật tư thiết bị và xây lắp trên 50 tỷ đồng, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu thầu và kết quả đấu thầu sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ thông qua.

c) Các gói thầu thuộc DADT nhóm C gồm: Các gói thầu mua sắm vật tư thiết bị và xây lắp có giá trị từ 3 tỷ đồng trở lên.

3. Ra văn bản thỏa thuận kế hoạch đấu thầu và kết quả đấu thầu đối với các dự án của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có mức góp vốn pháp định của các doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam từ 30% trở lên do UBND tỉnh cấp giấy phép đầu tư.

4. Phê duyệt hoặc ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, giá xét thầu, danh sách các nhà thầu.

5. Chỉ định hoặc mời các chuyên gia giúp UBND tỉnh trong công tác thẩm định kết quả đấu thầu.

6. Chỉ đạo, kiểm tra bên mời thầu và các ngành có liên quan thực hiện đúng Quy chế đấu thầu, công tác ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện hợp đồng.

**Điều 7:** Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng của tỉnh trong công tác đấu thầu.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các sở xây dựng chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong các việc:

a) Hướng dẫn, theo dõi, tổ chức thực hiện, tổng hợp và báo cáo về công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh.

b) Phê duyệt: Hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, danh sách các nhà thầu đối với các gói thầu nêu ở Điều 2 mục 6 của bản Quy định này theo sự ủy quyền của UBND tỉnh.

c) Phê duyệt: Kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, danh sách các nhà thầu, kết quả đấu thầu đối với các gói thầu ngoài phạm vi đã nêu ở mục 2 Điều 6 của bản Quy định này theo sự ủy quyền của UBND tỉnh.

d) Tổ chức thẩm định kết quả đấu thầu đối với các gói thầu nằm trong và ngoài phạm vi đã nêu ở Điều 2 mục 6 của bản Quy định này.

2. Sở Xây dựng, các Sở Xây dựng chuyên ngành, Sở Thương mại, Sở Tài chính - Vật giá, Cục Đầu tư - Phát triển có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc hướng dẫn, theo dõi tổ chức thực hiện công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh. Căn cứ vào các quy định của Nhà nước và của tỉnh để chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện công tác đấu thầu.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, danh sách các nhà thầu, kết quả đấu thầu (đối với những nội dung có liên quan tới lĩnh vực quản lý của ngành).

c) Riêng Sở Xây dựng, các sở xây dựng chuyên ngành chủ trì phê duyệt giá xét thầu (đối với đấu thầu xây lắp) đối với các gói thầu thuộc thẩm quyền theo quy định tại mục 1 Điều 5 của bản quy định này trên cơ sở ý kiến thỏa thuận của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 8:** Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị có trách nhiệm:

Căn cứ các quy định của Nhà nước và của tỉnh trong công tác đấu thầu để chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các tổ chức và cá nhân thực hiện đấu tư và xây dựng trên địa bàn, tổ chức thực hiện công tác đấu thầu.

**Điều 9:** Bên mời thầu :

Bên mời thầu là chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư, có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Chỉ định tổ chuyên gia (thực hiện theo điểm 2 Điều 10 của bản quy định này) hoặc thuê tư vấn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chuẩn bị các tài liệu pháp lý, soạn thảo hồ sơ dự thầu.

- Tiếp nhận và quản lý hồ sơ mời thầu.

- Phân tích, đánh giá, so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn và yêu cầu đặt ra trong hồ sơ mời thầu.

- Tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ về kết quả đấu thầu để báo cáo chủ đầu tư xem xét.

2. Trình kết quả đấu thầu lên người có thẩm quyền quyết định đầu tư để phê duyệt nhà thầu trúng thầu.

3. Đàm phán hoàn thiện hợp đồng để ký kết chính thức với nhà thầu trúng thầu.

**Điều 10:** Tổ chuyên gia hoặc tư vấn giúp việc bên mời thầu.

1. Đối với các dự án không có đấu thầu tuyển chọn tư vấn thì chỉ có tổ chuyên gia hoặc tư vấn giúp việc bên mời thầu.

Trường hợp có yêu cầu phải thuê tư vấn (thay cho chỉ định tổ chuyên gia giúp việc) để thực hiện các công việc theo điểm 1 Điều 40 của Quy chế đấu thầu, nếu có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên, bên mời thầu phải tổ chức đấu thầu theo các quy định của Quy chế đấu thầu và các nội dung về tuyển chọn và tư vấn của thông tư này.

2. Thành lập tổ chuyên gia hoặc tư vấn.

a) Đối với các gói thầu có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên, tùy theo tính chất và yêu cầu của từng gói thầu cụ thể bên mời thầu có thể mời các chuyên gia đủ năng lực thuộc các cơ quan quản lý đầu tư và xây dựng của tỉnh

và cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư tham gia tổ chuyên gia.

b) Đối với các gói thầu có giá trị dưới 1 tỷ đồng, bên mời thầu mời đại diện của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và đại diện các bộ phận nghiệp vụ có liên quan thuộc cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư tham gia tổ chuyên gia.

c) Bên mời thầu cần cử một thành viên có đủ năng lực của tổ chuyên gia làm tổ trưởng tổ chuyên gia để điều hành công việc của tổ theo nhiệm vụ đã được quy định tại điểm 1 Điều 9 của bản Quy định này.

3. Nhiệm vụ và trách nhiệm của tổ chuyên gia hoặc tư vấn thực hiện theo điểm 1 Điều 40 Quy chế 43/CP và điểm 2, 3, 4 mục 1 phần thứ 2 của Thông tư 02/TTLB.

4. Cơ cấu tổ chuyên gia hoặc tư vấn thực hiện theo điểm 2, 3, 2 mục 1 phần thứ hai của Thông tư 02/TTLB.

5. Các yêu cầu lựa chọn chuyên gia.

- Có trình độ chuyên môn liên quan tới gói thầu.

- Am hiểu về các nội dung cụ thể của gói thầu.

- Có kinh nghiệm trong công tác quản lý thực tế hoặc nghiên cứu.

- Am hiểu quy trình tổ chức, đánh giá, xét chọn kết quả đấu thầu.

6. Thành viên tổ chuyên gia hoặc tư vấn không được tham gia thẩm định kết quả đấu thầu.

**Điều 11:** Các chuyên gia được UBND tỉnh mời thẩm định kết quả đấu thầu.

1. Các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính - Vật giá, Cục Đầu tư và Phát triển, cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư, sở quản lý và xây dựng chuyên ngành (đối với gói thầu xây dựng chuyên ngành). Sở

Thương mại (đối với gói thầu mua sắm vật tư thiết bị) cử một đồng chí lãnh đạo có nghiệp vụ, kinh nghiệm và một cán bộ có trình độ chuyên môn cao tham gia công tác thẩm định kết quả đấu thầu. Trong trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh sách các chuyên gia của các cơ quan khác có liên quan ở địa phương và Trung ương được mời tham gia thẩm định kết quả đấu thầu trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. Các yêu cầu đối với các chuyên gia được UBND tỉnh mời tham gia thẩm định kết quả đấu thầu thực hiện theo điểm 2, 3, 3 mục 1 phần thứ 2 Thông tư 02/TTLB.

3. Các chuyên gia được UBND tỉnh mời thẩm định kết quả đấu thầu phải có ý kiến chính thức bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực và khách quan của các nội dung đánh giá đó.

### CHƯƠNG III

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 12:** Chuẩn bị mời thầu, điều kiện mời thầu và dự thầu.

1. Các công việc chuẩn bị đấu thầu do bên mời thầu thực hiện theo mục 1 phần thứ 2 Thông tư 02/TTLB. Nội dung công việc thành lập tổ chuyên gia hoặc tư vấn giúp việc thực hiện theo Điều 10 của bản Quy định này.

2. Điều kiện mời thầu và dự thầu thực hiện theo Điều 6 Quy chế 43/CP.

**Điều 13:** Kế hoạch đấu thầu.

1. Nội dung của kế hoạch đấu thầu thực hiện theo Điều 5 của Quy chế 43/CP và điểm 1 mục 1 phần thứ 2 của Thông tư 02/TTLB.

2. Kế hoạch đấu thầu do bên mời thầu lập và trình duyệt.

a) UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu thầu

đối với các gói thầu nêu tại mục 2 Điều 6 của bản Quy định này.

b) Ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu của các gói thầu nằm ngoài phạm vi đã nêu tại mục 2 Điều 6 của bản Quy định này.

c) Đối với các dự án của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có mức góp vốn pháp định của các doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam từ 30% trở lên; Dự án do cấp nào cấp giấy phép đầu tư thì cấp đó ra văn bản thỏa thuận kế hoạch đấu thầu.

**Điều 14:** Hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và giá xét thầu.

1. Hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, danh sách các nhà thầu và giá xét thầu do bên mời thầu lập và trình duyệt. Nội dung của hồ sơ mời thầu thực hiện theo các Điều 19, 27, 38 của Quy chế 43/CP và điểm 3 phần thứ 2 của Thông tư 02/TTLB. Nội dung của tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo điểm 4 phần thứ 2 của Thông tư 02/TTLB.

2. Ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, danh sách các nhà thầu theo điểm 1 Điều 7 của bản Quy định này.

3. Ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan Sở Xây dựng, các sở xây dựng chuyên ngành phê duyệt giá xét thầu (đối với đấu thầu xây lắp) theo mục C, điểm 2 Điều 7 của bản Quy định này.

**Điều 15:** Mời thầu.

Trình tự, nội dung, thể thức mời thầu do bên mời thầu thực hiện theo mục II phần thứ 2 của Thông tư 02/TTLB.

**Điều 16:** Hồ sơ dự thầu.

Hồ sơ dự thầu do các nhà thầu lập, được niêm phong và nộp trực tiếp hoặc gửi qua

bưu điện theo địa chỉ và thời gian quy định tại hồ sơ mời thầu.

Nội dung của hồ sơ dự thầu được quy định tại hồ sơ mời thầu, đối với các gói thầu xây lắp nội dung hồ sơ dự thầu thực hiện theo Điều 30 của Quy chế 43/CP và các chỉ dẫn trong hồ sơ mời thầu.

Thủ tục, nội dung của các việc niêm phong, thời gian nộp, sửa đổi và rút hồ sơ dự thầu, thời gian hiệu lực của hồ sơ dự thầu thực hiện theo Điều 9 của Quy chế 43/CP và mục III phần thứ 2 Thông tư 02/TTLB.

**Điều 17:** Bảo lãnh dự thầu (trừ tuyển chọn tư vấn) và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Thực hiện theo điểm 5 và điểm 6 mục III phần thứ 2 của Thông tư 02/TTLB. Nếu nhà thầu không nộp bảo lãnh dự thầu như đã quy định trong hồ sơ mời thầu thì hồ sơ thầu sẽ bị loại.

**Điều 18:** Mở thầu.

Công tác chuẩn bị mở thầu, thời gian mở thầu, trình tự mở thầu được thực hiện theo điểm 2 mục IV của Thông tư 02/TTLB. Khi mở thầu phải có đại diện của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, đại diện bên mời thầu và các nhà thầu (nếu có) chứng kiến và ký vào biên bản mở thầu. Trong một số trường hợp đặc biệt (dự án thuộc an ninh quốc phòng) bên mời thầu chỉ mời một số hạn chế các đại diện tham gia buổi mở thầu.

Khuyến khích mở thầu ngay sau khi đóng thầu nhưng không quá 48 giờ (không kể ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước) kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thầu, trường hợp mở thầu sau thời hạn quy định trên phải được UBND tỉnh chấp thuận.

**Điều 19:** Đánh giá hồ sơ dự thầu, xếp hạng nhà thầu nội dung, trình tự của việc đánh giá hồ sơ dự thầu và xếp hạng nhà thầu đối với các gói thầu tuyển chọn tư vấn, mua sắm vật



tư thiết bị, xây lắp được thực hiện theo Điều 16, Điều 22, Điều 33 của Quy chế 43/CP và Điều 14 của bản quy định này.

**Điều 20:** Thẩm định kết quả đấu thầu.

Mọi kết quả đấu thầu đều phải được thẩm định trước khi trình duyệt. Bên mời thầu có trách nhiệm trình hồ sơ kết quả đấu thầu lên cơ quan chủ trì thẩm định.

1. Đối với các gói thầu có giá trị hơn 2 tỷ đồng Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các chuyên gia do UBND tỉnh chỉ định hoặc mời theo quy định tại Điều 11 của bản Quy định này để tổ chức thẩm định kết quả đấu thầu.

Đối với các gói thầu có giá trị dưới 2 tỷ đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định trên cơ sở tham khảo ý kiến của Sở Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan.

2. Thời gian thẩm định (nếu cần) không quá 30 ngày (đối với các gói thầu của các DADT nhóm A), không quá 20 ngày (đối với các gói thầu của các DADT nhóm B), không quá 15 ngày (đối với gói thầu của các DADT nhóm C).

**Điều 21:** Trình duyệt và phê duyệt kết quả đấu thầu. Sau khi có văn bản thẩm định về kết quả đấu thầu, bên mời thầu trình hồ sơ kết quả đấu thầu lên cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt kết quả đấu thầu.

1. UBND tỉnh phê duyệt kết quả đấu thầu của các gói thầu nêu tại điểm 2 Điều 6 của bản Quy định này.

2. Ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kết quả đấu thầu của các gói thầu nằm ngoài phạm vi nêu tại điểm 2 điều 6 của bản Quy định này.

3. Đối với các dự án của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có mức góp vốn pháp định của các doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam

từ 30% trở lên, dự án do cấp nào cấp giấy phép đầu tư thì cấp đó ra văn bản thỏa thuận kết quả đấu thầu. Các văn bản cần thiết khi đề nghị thỏa thuận và chi phí thẩm định để thỏa thuận thực hiện theo điểm III và IV của Thông tư 07/BKH - VPXT.

**Điều 22:** Công bố kết quả đấu thầu, thương thảo hợp đồng.

Bên mời thầu chỉ được phép công bố kết quả đấu thầu và tiến hành thương thảo hợp đồng khi có văn bản phê duyệt nhà trúng thầu của các cấp có thẩm quyền theo Điều 21 của bản quy định này. Các nguyên tắc chung, các trường hợp xem xét lại kết quả đấu thầu, chào lại giá dự thầu và điều kiện khác, thông báo trúng thầu, ký kết hợp đồng, thực hiện theo mục IX của Thông tư 02/TTLB.

**Điều 23:** Chi phí đấu thầu.

Thực hiện theo điểm 3 phần thứ 3 Thông tư 02/TTLB. Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu nằm trong chi phí đấu thầu. Trường hợp cần thiết Sở Kế hoạch và Đầu tư lập tờ trình dự kiến chi phí thẩm định kết quả đấu thầu đối với từng trường hợp cụ thể trình UBND tỉnh quyết định theo các quy định tài chính hiện hành.

**Điều 24:** Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm thực hiện theo Điều 44, Điều 45 của Quy chế 43/CP và điểm 6 phần thứ 3 của Thông tư 02/TTLB.

## CHƯƠNG IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 25:** Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, các tổ chức và cá nhân có thực hiện đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam chịu trách nhiệm thi hành bản Quy định này.

**Điều 26:** Bản quy định này có hiệu lực kể

từ ngày ban hành. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân cần phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

K.T chủ tịch

*Phó chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯƠNG**

**QUYẾT ĐỊNH của UBND tỉnh Hà Nam số 885/QĐ-UB ngày 06 tháng 11 năm 1997 về thẩm quyền quản lý Nhà nước các hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND ngày 21 tháng 6 năm 1994;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Nghị định 68/CP ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 27/CP ngày 20 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ về quản lý sản xuất và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 11/TT-CNCL ngày 13 tháng 3 năm 1996 của Bộ Công nghiệp về hướng dẫn thực hiện Nghị định 27/CP;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp tỉnh Hà Nam tại Tờ trình số: 127/CN ngày 10 tháng 10 năm 1997,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định về thẩm quyền quản lý Nhà nước các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

**Điều 2:** Sở Công nghiệp phối hợp cùng Sở Tư pháp, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường, Sở Công an, Sở Lao động Thương binh Xã hội... hướng dẫn đôn đốc thực hiện những quy định này.

**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực sau mười lăm ngày kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

**Điều 4:** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, các tổ chức, cá nhân có hoạt động khoáng sản và cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

UBND tỉnh Hà Nam

K.T chủ tịch

*Phó chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯƠNG**

**QUY ĐỊNH về thẩm quyền quản lý Nhà nước các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam. (Ban hành kèm theo Quyết định số 885/QĐ-UB ngày 06 tháng 11 năm 1997 của UBND tỉnh Hà Nam).**

## CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1:** Đối tượng và phạm vi áp dụng.

Tất cả các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức tập thể, cá nhân có nhiệm vụ quản lý hoặc có hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

### **Điều 2:** Giải thích từ ngữ:

Trong quy định này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khoáng sản là tài nguyên trong lòng đất, trên mặt đất, dưới dạng những tích tụ tự nhiên khoáng vật, khoáng chất có ích ở thể rắn, thể lỏng, thể khí, hiện tại hoặc sau này có thể được khai thác. Khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ mà sau này có thể được khai thác lại cũng là khoáng sản.

2. Điều tra cơ bản địa chất là hoạt động nghiên cứu, điều tra về cấu trúc, thành phần vật chất, lịch sử phát sinh, phát triển vỏ trái đất và các điều kiện, quy luật sinh khoáng liên quan.

3. Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản là việc đánh giá tổng quan tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên cơ sở điều tra cơ bản địa chất, làm căn cứ khoa học cho việc định hướng các hoạt động khảo sát, thăm dò khoáng sản.

4. Nước khoáng là nước thiên nhiên dưới lòng đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, có chứa một số hợp chất có hoạt tính sinh học với nồng độ cao theo quy định của tiêu chuẩn Việt Nam hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.

5. Nước nóng thiên nhiên là nước thiên nhiên dưới đất có nơi lộ ra trên mặt đất, luôn luôn có nhiệt độ cao theo quy định tiêu chuẩn Việt Nam hoặc theo tiêu chuẩn nước

ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.

6. Khảo sát khoáng sản là hoạt động nghiên cứu tư liệu địa chất về tài nguyên khoáng sản, khảo sát thực địa nhằm khoanh định khu vực có triển vọng để thăm dò khoáng sản.

7. Thăm dò khoáng sản là hoạt động nhằm tìm kiếm, phát hiện, xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác, kể cả việc lấy thực nghiệm mẫu công nghệ và nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản.

8. Khai thác khoáng sản là hoạt động xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, sản xuất và các hoạt động có liên quan trực tiếp nhằm thu khoáng sản.

9. Chế biến khoáng sản là hoạt động phân loại, làm giàu khoáng sản, hoạt động khác nhằm làm tăng giá trị khoáng sản đã khai thác.

10. Vật liệu nổ công nghiệp là vật liệu nổ dùng trong công nghiệp bao gồm thuốc nổ và các phụ kiện nổ thành phẩm.

11. Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp là quá trình đưa vật liệu nổ ra dùng trong thực tế nhằm đạt được mục đích nhất định trong các ngành kinh tế khác nhau như: Khai thác mỏ, xây dựng, giao thông, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học... theo một quy trình công nghệ đã được xác định trước. Vật liệu nổ công nghiệp chỉ được phép sử dụng khi được Bộ Công nghiệp cho phép.

12. Cung ứng vật liệu nổ công nghiệp là quá trình lưu thông vật liệu nổ công nghiệp từ nơi sản xuất, bảo quản cửa khẩu (vật liệu nổ công nghiệp nhập khẩu) đến nơi sử dụng đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại, tiến độ giao hàng theo hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp cung ứng và đơn vị sử dụng.

## CHƯƠNG II

### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN

**Điều 3:** Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam là cơ quan quản lý Nhà nước đối với mọi tài nguyên khoáng sản trên phạm vi lãnh thổ theo luật định, có nhiệm vụ quyền hạn:

1. Ban hành theo thẩm quyền các quy định hướng dẫn thực hiện các quy định của Chính phủ và của Bộ Công nghiệp về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và quản lý các hoạt động khoáng sản ở địa phương.

2. Chủ động phối hợp với Bộ Công nghiệp, các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Quốc phòng, Nội vụ, Văn hóa - Thông tin, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khoáng định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, xây dựng, tham gia xây dựng các quy hoạch phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác ở địa phương, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo đảm an ninh trật tự xã hội, bảo vệ tính mạng và sức khỏe của nhân dân, tài sản của Nhà nước và công dân.

4. Tổ chức thẩm định, phê duyệt các báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản, thiết kế mỏ theo quy định của Nghị định 68/CP ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ.

5. Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và giấy phép khai thác tận thu theo thẩm quyền quy định. Tham gia ý kiến về việc cấp các loại giấy phép khác về hoạt động khoáng sản tại địa phương.

Trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn của mình giải quyết các điều kiện liên quan đến

việc thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các điều kiện liên quan khác cho các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản tại địa phương.

6. Tuyên truyền, giáo dục và giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về khoáng sản đối với mọi tổ chức, cá nhân ở địa phương.

7. Giải quyết hoặc tham gia giải quyết những vấn đề tranh chấp về hoạt động khoáng sản và xử lý các vi phạm pháp luật về tài nguyên khoáng sản phát sinh tại địa phương theo thẩm quyền quy định tại Điều 57 của Luật Khoáng sản và các quy định khác của pháp luật.

**Điều 4:** Sở Công nghiệp tỉnh Hà Nam có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về khoáng sản theo Luật Khoáng sản và Nghị định 68/CP ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản.

Sở Công nghiệp chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý Nhà nước về khoáng sản của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

- Sở Công nghiệp có các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước về khoáng sản sau đây:

Căn cứ vào quy định của Chính phủ, của Bộ Công nghiệp, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng hoặc tham gia xây dựng để ban hành theo thẩm quyền các quy định hướng dẫn chi tiết các quy định của Chính phủ và Bộ Công nghiệp về quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản và các hoạt động khoáng sản tại địa phương.

Đề xuất và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và các hoạt động khoáng sản phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm định đơn hồ sơ xin cấp, gia hạn, trả lại giấy phép hoặc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khai thác tận thu theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, tham gia thẩm định các dự án đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản, đánh giá tác động môi trường trong hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị văn bản tham gia ý kiến đối với việc cấp các giấy phép hoạt động khoáng sản khi Bộ Công nghiệp yêu cầu.

Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương trong việc giải quyết các điều kiện về sử dụng đất, cơ sở hạ tầng và các điều kiện khác cho các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản tại địa phương.

Đăng ký, theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động khoáng sản tại địa phương, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công nghiệp.

Tuyên truyền, giáo dục hướng dẫn giám sát, kiểm tra thực hiện việc thi hành pháp luật về khoáng sản của các tổ chức, cá nhân ở địa phương. Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về khoáng sản theo quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra khoáng sản do Bộ Công nghiệp ban hành.

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh để phối hợp với các cơ quan giải quyết hoặc tham gia giải quyết những vấn đề tranh chấp về hoạt động khoáng sản và xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản phát sinh tại địa phương hoặc tại các vùng giáp ranh giữa các tỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công nghiệp giải quyết.

**Điều 5:** Ủy ban nhân dân huyện, thị xã theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên

khoáng sản chưa khai thác ở địa phương, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, đảm bảo an ninh trật tự xã hội, bảo vệ tính mạng và sức khỏe của nhân dân, tài sản của Nhà nước và công dân.

2. Phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình giải quyết các điều kiện liên quan đến việc thuê đất, sử dụng cơ sở hạ tầng và các điều kiện liên quan khác cho các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tuyên truyền giáo dục và giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản, tham gia giải quyết những vấn đề tranh chấp về hoạt động khoáng sản và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về khoáng sản phát sinh tại địa phương.

**Điều 6:** Phòng Quản lý công nghiệp - TCN trực thuộc UBND các huyện, thị của tỉnh, dưới đây gọi tắt là: “Phòng Quản lý công nghiệp huyện” có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân các huyện, thị thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản theo Luật Khoáng sản và Nghị định 68/CP ngày 01 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản.

Phòng Quản lý công nghiệp huyện chịu sự chỉ đạo của UBND huyện, thị đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản của Sở Công nghiệp.

Phòng Quản lý công nghiệp huyện có các chức năng nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Căn cứ vào Luật Khoáng sản, các Nghị định của Chính phủ, quyết định, quy định của Bộ Công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn của Sở Công nghiệp, triển khai việc quản lý Nhà nước về các hoạt động tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện.

2. Phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý, bảo vệ khai thác tài nguyên khoáng sản ở địa phương phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và trong tỉnh.

3. Đôn đốc, quản lý, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện Luật Khoáng sản và các quy định của UBND tỉnh đối với các đơn vị có hoạt động tài nguyên khoáng sản trên địa bàn.

4. Thực hiện các chế độ báo cáo về hoạt động tài nguyên khoáng sản của địa phương đối với Sở Công nghiệp theo quy định.

5. Tiếp nhận hồ sơ, lập biên bản ban đầu các vụ việc tranh chấp về hoạt động tài nguyên khoáng sản trên địa bàn báo cáo Sở Công nghiệp để có kế hoạch giải quyết và xử lý theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để tiến hành các hoạt động kiểm tra, thanh tra về hoạt động tài nguyên khoáng sản trên địa bàn do UBND tỉnh, Sở Công nghiệp tổ chức.

**Điều 7:** Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân chưa có giấy phép hoạt động khoáng sản của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, lại tham gia hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản hoặc tổ chức hoạt động khoáng sản không đúng theo quy định của giấy phép.

**Điều 8:** Trường hợp tổ chức, cá nhân đang hoạt động khoáng sản vì bất kỳ lý do gì phải giải thể, đổi tên tổ chức, sát nhập với tổ chức khác, thay đổi trụ sở giao dịch, quá hạn giấy phép hoạt động khoáng sản phải kịp thời báo cáo về Sở Công nghiệp để tổng hợp trình UBND tỉnh xét duyệt quyết định cho phép:

- Thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản.
- Chuyển quyền sử dụng giấy phép hoạt động khoáng sản.
- Gia hạn giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Bổ sung hồ sơ tổ chức, cá nhân đang hoạt động khoáng sản.

- Chủ doanh nghiệp của các tổ chức, cá nhân đang tham gia hoạt động khoáng sản có nhu cầu và đủ điều kiện mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi hoạt động khoáng sản hoặc trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, phải làm đầy đủ thủ tục theo quy định chuyển về Sở Công nghiệp để trình UBND tỉnh xét duyệt.

**Điều 9:** Địa điểm khai thác của các tổ chức, cá nhân đang hoạt động khoáng sản phải được quy hoạch phân định rõ ràng để đảm bảo an toàn người, tài sản dân cư, môi trường theo đúng các quy định của Nhà nước.

**Điều 10:** Các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản phải nhanh chóng tiến hành triển khai các hoạt động khoáng sản theo luận chứng kinh tế kỹ thuật đã được duyệt. Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép nếu không hoạt động khoáng sản thì UBND tỉnh sẽ thu hồi giấy phép, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

**Điều 11:** Cấm xây dựng nhà cửa, các công trình cố định hoặc đổ phế thải trên các khu vực đang khai thác và các khu vực chưa được thăm dò, khảo sát mà các khu vực đó thuộc diện cấm, tạm thời cấm khai thác tài nguyên hoặc dự kiến khả năng chứa tài nguyên khoáng sản có giá trị kinh tế cao.

### CHƯƠNG III

#### MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CUNG ỨNG SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

**Điều 12:** Vật liệu nổ công nghiệp là vật tư kỹ thuật đặc biệt, phải quản lý nghiêm ngặt của Nhà nước về an ninh, an toàn lao động, cháy nổ, trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường từ sản xuất đến sử dụng. Vật liệu nổ công nghiệp đã được xếp vào loại hàng hóa dịch vụ kinh doanh thương mại có điều

kiện, tại Chương 3 Nghị định số 02/CP ngày 5 tháng 01 năm 1995.

- Chỉ các doanh nghiệp Nhà nước, được Chính phủ giao nhiệm vụ theo đề nghị của Bộ Công nghiệp, Bộ Quốc phòng mới được sản xuất, kinh doanh, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp.

- Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, vận chuyển, mua bán, xuất nhập khẩu và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trái với pháp luật và những quy định của Nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 13:** Sở Công nghiệp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo các ngành chức năng kiểm tra, giám sát quá trình lưu thông, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Sở Công nghiệp có nhiệm vụ:

1. Hướng dẫn và kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kinh doanh cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

2. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ của các tổ chức, cá nhân xin giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lập từ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt ra quyết định.

3. Phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh (Công an, Sở Khoa học Công nghệ - Môi trường, Sở Lao động - TBXH...) và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã kiểm tra việc cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

4. Tổng hợp đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công nghiệp về quản lý, cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đồng thời kiến nghị xử lý những vi phạm về cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công nghiệp quyết định xử phạt vi phạm.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về

cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công nghiệp.

**Điều 14:** Các tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, được ký hợp đồng cung ứng vật liệu nổ công nghiệp trực tiếp với các đơn vị được giao nhiệm vụ cung ứng vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 15:** Giờ nổ mìn khai thác tài nguyên quy định thống nhất :

- Thời gian: Từ ngày 15-4 đến 15-10

Sáng từ 11 giờ đến 12 giờ

Chiều từ 17 giờ đến 18 giờ

- Từ ngày 16-10 năm này đến 14-4 năm sau

Sáng từ 11 giờ 30 phút đến 12 giờ 30 phút

Chiều từ 16 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút

## CHƯƠNG IV

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 16:** Các tổ chức, cá nhân có hoạt động tài nguyên khoáng sản, hoạt động cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh Hà Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Hoạt động tài nguyên khoáng sản, cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải theo đúng pháp luật và các quy định của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh về tài nguyên khoáng sản và vật liệu nổ công nghiệp.

2. Thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách (nộp thuế, báo cáo, môi trường, an toàn lao động...) về hoạt động tài nguyên khoáng sản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

3. Có biện pháp tích cực để tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản địa phương.

4. Tạo điều kiện thuận lợi làm việc cho các

ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có thẩm quyền về quản lý Nhà nước trong hoạt động tài nguyên khoáng sản và sử dụng cung ứng vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 17:** Các Sở (Công nghiệp, Công an, Khoa học, Công nghệ Môi trường, Lao động TBXH...), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có biện pháp tích cực tuyên truyền phổ biến đến tất cả các địa phương, các tổ chức, cá nhân có hoạt động tài nguyên khoáng sản và sử dụng cung ứng vật liệu nổ công nghiệp để biết và tổ chức thực hiện.

**Điều 18:** Các ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ vào chức năng quyền hạn có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát kiểm tra các tổ chức và cá nhân có hoạt động tài nguyên khoáng sản, cung ứng sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng luật, các quy định của Chính phủ và của tỉnh.

**Điều 19:** Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong hoạt động khoáng sản tùy theo mức độ bị xử lý theo Nghị định số 35/CP ngày 23 tháng 4 năm 1997 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về khoáng sản bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 20:** Văn bản này thay thế Quyết định số 337 ngày 18 tháng 4 năm 1986 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh quy định về tổ chức quản lý và khai thác đá, và những văn bản quản lý tài nguyên khoáng sản, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Hà trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc các cấp, các ngành, các

ơ sở có hoạt động khoáng sản cần kịp thời báo cáo về Sở Công nghiệp tỉnh Hà Nam tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

K.T chủ tịch

Phó chủ tịch

**ĐINH VĂN CƯỜNG**

**QUYẾT ĐỊNH của UBND tỉnh Hà Nam số 875/1998/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 1998 ban hành bản quy định cấp giấy phép xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 6 năm 1994;*

*Căn cứ Nghị định số : 91/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số: 42/CP ngày 16 tháng 7 năm 1996 và số 92/CP ngày 23 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ về ban hành, điều chỉnh, bổ sung Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 05/BXD - KTQH ngày 18 tháng 9 năm 1996 của Bộ Xây dựng hướng dẫn cấp giấy phép xây dựng;*

*Xét đề nghị của Sở Xây dựng Hà Nam tại tờ trình số 560/SXD ngày 25 tháng 9 năm 1998 về việc xin ban hành quy định cấp giấy*



phép xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH :

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này bản quy định về cấp giấy phép xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 2:** Giao Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện quyết định này. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

Q. Chủ tịch

**ĐINH VĂN CƯƠNG**

**QUY ĐỊNH về cấp giấy phép xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam. (Ban hành kèm theo Quyết định số 875/1998/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 1998 của UBND tỉnh).**

## CHƯƠNG I

### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1:** Tất cả các công trình trước khi tiến hành xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, sửa chữa, trùng tu, tôn tạo, thay đổi chức năng và mục đích sử dụng trong địa bàn: (thị xã, thị trấn, khu công nghiệp, thị tứ và tại những khu vực phụ cận có quy hoạch để xây dựng và phát triển đô thị) tỉnh Hà Nam

đều phải xin cấp giấy phép xây dựng (trừ một số trường hợp quy định tại điều 2).

**Điều 2:** Các trường hợp không phải xin giấy phép xây dựng.

2.1 - Công trình thuộc dự án nhóm A được Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật, nhưng trước khi khởi công xây dựng chủ đầu tư công trình phải gửi một bộ hồ sơ thiết kế công trình (giai đoạn thiết kế kỹ thuật) đã được thẩm định đến Sở Xây dựng Hà Nam để kiểm tra, theo dõi và lưu trữ.

2.2 - Các trường hợp sửa chữa nhỏ như trát, vá, quét vôi, đảo ngói, lát nền, thay cửa (trừ trường hợp mở cửa ra đường phố chính) và lắp đặt thay đổi các thiết bị trong nhà, trang trí nội thất không làm ảnh hưởng đến kết cấu công trình các nhà lân cận và bộ mặt kiến trúc đường phố.

2.3 - Các trường hợp cải tạo, xây dựng mới công trình kỹ thuật hạ tầng: Tuyến cấp, thoát nước, thông tin, năng lượng, giao thông trong ranh giới khuôn viên ô đất của công trình được sử dụng hợp pháp và không vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, vùng cấp xây dựng. Các công trình này không phải xin phép xây dựng, song nếu có thay đổi về vị trí đầu nối với hệ thống bên ngoài thì phải được cơ quan quản lý chuyên ngành (cấp tỉnh) chấp thuận mới được khởi công.

**Điều 3:** Đối với các công trình xây dựng tại các điểm chưa có quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/2000, 1/1000 hoặc 1/500) được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các chủ đầu tư phải lập hồ sơ xin cấp chứng chỉ quy hoạch hoặc thỏa thuận kiến trúc quy hoạch để có cơ sở lập dự án đầu tư và thiết kế kỹ thuật trước khi cấp giấy phép xây dựng. Đối với các công trình xây dựng tại các thị tứ thì không nhất thiết phải xin chứng chỉ quy hoạch hoặc thỏa thuận kiến trúc quy hoạch.

**Điều 4:** Căn cứ để xét cấp giấy phép xây dựng.

4.1 - Các giấy tờ hợp lệ về quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo đúng quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 5 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với các công trình di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng và các công trình kiến trúc có giá trị được công nhận phải giữ gìn, bảo vệ, nếu có nhu cầu phải tháo dỡ phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý văn hóa thông tin và các cơ quan có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2 - Quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư của cấp có thẩm quyền.

4.3 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình được lập theo đúng quy định hiện hành.

4.4 - Quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt, quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng của Nhà nước được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng.

4.5 - Các văn bản pháp luật có liên quan.

## CHƯƠNG II

### THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ TỪNG LOẠI CÔNG TRÌNH XIN CẤP PHÉP XÂY DỰNG

**Điều 5:** Nhà ở.

5.1 - Hồ sơ xin cấp phép xây dựng mới nhà ở gồm có:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) do chủ hộ đứng tên.

b) Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp có thẩm quyền cấp, quyết định giao đất, những giấy tờ hợp lệ khác về quyền sử dụng đất, kèm theo trích lục bản đồ tỷ lệ 1/200 - 1/500.

c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật gồm:

- Sơ đồ vị trí công trình.

- Mặt bằng lô đất tỷ lệ 1/200 hoặc 1/500. Trong đó có xác định vị trí công trình xin phép xây dựng.

- Mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu công trình, tỷ lệ 1/100 hoặc 1/200.

- Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa và xử lý nước thải, tỷ lệ 1/100 hoặc 1/200.

Đối với các loại nhà ở có chiều cao trên 3 tầng và có tổng diện tích sàn 200 m<sup>2</sup> trở lên chủ sở hữu công trình phải thuê tổ chức tư vấn xây dựng có đủ tư cách pháp nhân, được phép hành nghề thiết kế.

Đối với các loại nhà ở có chiều cao 3 tầng trở xuống và có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 200 m<sup>2</sup> thì chủ sở hữu công trình có thể tự lập hồ sơ thiết kế nhưng phải đảm bảo đúng quy định về hồ sơ thiết kế.

5.2 - Hồ sơ xin cấp phép cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà ở hiện có bao gồm:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) do chủ hộ đứng tên.

b) Bản sao giấy xác nhận quyền sở hữu nhà hợp pháp.

c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật theo quy định tại điểm c, mục 5 - 1, Điều 5, Chương II.

d) Ảnh chụp khổ 9 x 12 cm mặt chính công trình có không gian liền kề trước khi cải tạo, sửa chữa và mở rộng.

5.3 - Hồ sơ xin phép cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà ở thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước quản lý hoặc thuộc các hình thức sở hữu khác bao gồm:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) do đại diện hợp pháp chủ sở hữu nhà đứng tên.

b) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật theo quy định tại điểm C, mục 5, Điều 5, Chương II.

c) Ảnh chụp khổ 9 x 12 cm mặt chính công trình có không gian kiến trúc liền kề trước khi cải tạo, sửa chữa và mở rộng.

**Điều 6:** Công trình công nghiệp, dịch vụ và các công trình dân dụng không phải là nhà ở.

6.1 - Hồ sơ xin phép xây dựng công trình trên đất mới được giao hoặc thuê, bao gồm:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) do đại diện hợp pháp chủ công trình đứng tên.

b) Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, hợp đồng thuê đất kèm theo trích lục bản đồ tỷ lệ 1/200 - 1/500.

c) Bản sao quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư của cấp có thẩm quyền.

d) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật theo quy định tại điểm c, mục 5 - 1, Điều 5, Chương II kèm theo văn bản thẩm định TKKT công trình của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

6.2 - Hồ sơ xin phép xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, trùng tu, tôn tạo công trình trên khu đất hiện có đang sử dụng hợp pháp.

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) do đại diện hợp pháp chủ công trình đứng tên.

b) Bản sao giấy chứng nhận hợp lệ về quyền sử dụng đất và sở hữu công trình, kèm theo trích lục bản đồ tỷ lệ 1/200 - 1/500.

c) Bản sao quyết định đầu tư, giấy phép đầu tư của cấp có thẩm quyền.

d) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật theo quy định tại điểm c, mục 5 - 1, Điều 5, Chương II kèm theo văn bản thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

e) Đối với công trình cải tạo, sửa chữa phải có ảnh chụp khổ 9 x 12cm, mặt chính công trình có không gian kiến trúc liền kề trước khi cải tạo, sửa chữa.

g) Các yêu cầu khác:

- Đối với công trình có yêu cầu thay đổi chức năng, mục đích sử dụng đất thì phải được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 23 Luật Đất đai.

- Đối với các công trình di tích văn hóa, lịch sử hoặc kiến trúc có giá trị được Nhà nước công nhận, xếp hạng phải có giấy phép phá dỡ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 7:** Công trình tôn giáo.

Hồ sơ xin phép xây dựng các công trình tôn giáo gồm:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) do chủ sở hữu đứng tên.

b) Bản sao hợp pháp giấy tờ về quyền sử dụng đất, kèm theo trích lục bản đồ tỷ lệ 1/200 đến 1/500.

c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật theo quy định tại điểm c, mục 5 - 1, Điều 5, Chương II, kèm theo văn bản thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành và được Sở Văn hóa Thông tin thỏa thuận (mẫu công trình thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Văn hóa Thông tin thì Sở Văn hóa Thông tin phải xin ý kiến Bộ).

d) Văn bản cho phép sửa chữa, tôn tạo, xây dựng mới của cấp có thẩm quyền.

**Điều 8:** Công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

8.1 - Hồ sơ xin phép xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nếu là công trình kiến trúc như bến xe, nhà máy nước, trạm biến thế, bưu điện, tháp truyền hình...

thì lập theo quy hoạch như đối với công trình nhà ở, công nghiệp, dịch vụ, và các công trình dân dụng.

8.2 - Đối với các công trình cơ sở hạ tầng xây dựng theo tuyến như đường sá, đường dây tải điện, cáp điện thoại, các tuyến cấp thoát nước, dầu khí... thì hồ sơ xin phép xây dựng gồm:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) do chủ đầu tư đứng tên.

b) Quyết định giao đất hoặc hợp đồng thuê đất kèm theo trích lục bản đồ khu đất tỷ lệ 1/500 đến 1/2000.

c) Bản sao quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư của cấp có thẩm quyền.

d) Hồ sơ thiết kế gồm:

- Mặt bằng vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/2000 đến 1/5000.

- Mặt bằng tổng thể công trình tỷ lệ 1/500.

- Mặt cắt chủ yếu thể hiện bố trí tổng hợp đường dây, đường ống tỷ lệ 1/100 đến 1/200.

- Bản sao quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 9:** Công trình xây dựng để sử dụng tạm thời như lán trại công trường, trưng bày triển lãm, công trình quảng cáo, công trình phụ trợ phục vụ thi công...

9.1 - Nội dung hồ sơ xin phép xây dựng lán trại công trình, công trình phụ trợ phục vụ thi công bao gồm:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) của chủ đầu tư.

b) Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản đồ tỷ lệ 1/500.

c) Hồ sơ thiết kế gồm: Mặt bằng định vị, mặt bằng mặt cắt và các mặt đứng tỷ lệ 1/200 hoặc 1/100.

9.2 - Nội dung hồ sơ xin phép xây dựng công trình quảng cáo, triển lãm bao gồm:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) của chủ đầu tư.

b) Bản hợp đồng thuê đất hoặc quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền (nếu là công trình xây dựng trên đất mới). Đối với các công trình làm biển báo, quảng cáo gắn với công trình xây dựng thì phải kèm theo ảnh chụp công trình và ý kiến thỏa thuận của chủ công trình.

c) Sơ đồ vị trí công trình đối với công trình quảng cáo xây mới.

d) Công trình quảng cáo xây mới hoặc lắp đặt trên các công trình kiến trúc hiện có phải có văn bản thẩm định của cơ quan có tư cách pháp nhân nhằm đảm bảo an toàn.

e) Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt chủ yếu của công trình tỷ lệ 1/100 đến 1/200.

g) Văn bản chấp thuận của Sở Văn hóa Thông tin hoặc Bộ Văn hóa Thông tin về nội dung quảng cáo.

**Điều 10:** Hồ sơ xin phép xây dựng các công trình tại các khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu dân cư tập trung.

10.1 - Hồ sơ xin phép xây dựng từng công trình theo các dự án riêng lẻ.

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật chung cho toàn bộ khu đất hoặc các công trình nhà ở, dịch vụ, sản xuất kinh doanh và các loại công trình khác do từng chủ đầu tư xây dựng trên các lô đất được giao hoặc được thuê lại để thực hiện xây dựng theo các dự án riêng có trong khu công nghiệp, khu chế xuất được lập theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, Chương II.

10.2 - Hồ sơ xin phép xây dựng cho toàn bộ dự án hoặc một phần dự án bao gồm:

a) Đơn xin phép xây dựng (theo mẫu) do chủ đầu tư đứng tên.

b) Quyết định giao đất hoặc hợp đồng cho thuê đất kèm theo trích lục bản đồ tỷ lệ 1/500.

c) Bản sao quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư của cấp có thẩm quyền.

d) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật do tổ chức có tư cách pháp nhân được phép hành nghề lập, gồm:

- Mặt bằng tổng thể (có định vị từng công trình) toàn khu đất xây dựng theo dự án tỷ lệ 1/200 hoặc 1/500.

- Mặt bằng từng công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/200 hoặc 1/500, kèm theo các mặt cắt chủ yếu thể hiện bố trí tổng hợp đường dây, đường ống tỷ lệ 1/100 hoặc 1/200.

Nếu các công trình xây dựng theo mẫu, thì chỉ thể hiện các bản vẽ theo mẫu điển hình đã lựa chọn xây dựng trong dự án.

**Điều 11:** Hồ sơ xin cấp chứng chỉ quy hoạch hoặc thỏa thuận quy hoạch kiến trúc gồm:

a) Đơn (theo mẫu) của chủ đầu tư.

b) Văn bản giải trình về quy mô xây dựng, tính chất công trình, nhu cầu về sử dụng đất và các nhu cầu về sử dụng cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện có. Đối với các công trình sử dụng vốn của Nhà nước phải có ý kiến chấp thuận về chủ trương của cơ quan quyết định đầu tư.

c) Hồ sơ thiết kế sơ bộ, gồm:

- Sơ đồ vị trí lô đất.

- Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 hoặc 1/200.

- Thiết kế sơ bộ công trình: Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt chủ yếu tỷ lệ 1/200 đến 1/100.

- Đối với các công trình chưa đủ điều kiện cấp chứng chỉ quy hoạch thì có thể chấp nhận quy hoạch kiến trúc như quy định tại mục a và b Điều 11 này.

### CHƯƠNG III

## THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

**Điều 12:** Chủ tịch UBND tỉnh là cơ quan cấp giấy phép xây dựng các công trình trên lãnh thổ mình.

Giám đốc Sở Xây dựng giúp Chủ tịch UBND tỉnh hướng dẫn việc cấp giấy phép xây dựng và thẩm định hồ sơ xin phép xây dựng, được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cấp giấy phép xây dựng các công trình (trừ các công trình phân cấp cho các cơ quan khác) trên địa bàn tỉnh.

Giám đốc Sở Xây dựng phải thường xuyên báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

**Điều 13:** Chủ tịch UBND các huyện, thị xã cấp giấy phép xây dựng các công trình nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân theo sự chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn của Giám đốc Sở Xây dựng, riêng các công trình nhà ở thuộc khu vực trung tâm chính trị có vị trí đặc biệt của đô thị, nhà ở ven quốc lộ, các vùng bảo vệ thiên nhiên; Các vùng bảo vệ di tích lịch sử văn hóa được công nhận, thì trước khi UBND thị xã, các huyện cấp giấy phép xây dựng phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của Sở Xây dựng.

**Điều 14:** Ban quản lý khu chế xuất hoặc khu công nghiệp tập trung cấp giấy phép xây dựng các công trình trong phạm vi ranh giới khu chế xuất và khu công nghiệp do Chính phủ thành lập theo đúng quy định của pháp luật và sự hướng dẫn nghiệp vụ của Giám đốc Sở Xây dựng, phải báo cáo thường xuyên tình hình cấp giấy phép xây dựng cho

Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời thông báo cho Giám đốc Sở Xây dựng biết.

#### CHƯƠNG IV

### TRÌNH TỰ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG VÀ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

**Điều 15:** Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng: Tiếp nhận và phân loại hồ sơ xin phép xây dựng, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải có đủ thẩm quyền và năng lực để kiểm tra nội dung và quy cách hồ sơ sau đó phân loại ghi vào sổ theo dõi.

Khi nhận đủ hồ sơ, người tiếp nhận hồ sơ phải ghi mã vào phiếu nhận, có chữ ký của bên giao, bên nhận hồ sơ và có giấy hẹn ngày giải quyết. Phiếu nhận hồ sơ làm thành 2 bản, một giao cho chủ đầu tư, một bản lưu tại cơ quan cấp giấy phép xây dựng. Trong thời gian tối đa 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, người tiếp nhận hồ sơ xin phép xây dựng phải trực tiếp thông báo bằng văn bản cho đương sự biết về yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ. Chủ đầu tư có quyền đề nghị người tiếp nhận hồ sơ giải thích rõ những yêu cầu cần bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ và người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm đáp ứng đề nghị đó của đương sự. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời gian thụ lý hồ sơ.

Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép xây dựng, cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho đương sự biết.

**Điều 16:** Tham vấn tổ chức có liên quan tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng công trình, cơ quan cấp giấy phép xây dựng gửi văn bản tham vấn ý kiến cho các tổ chức có liên quan như: địa chính, văn hóa, y tế, công nghệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, quốc phòng... và chính quyền cơ sở tại.

Sau 5 ngày kể từ khi nhận được công văn xin ý kiến tham gia, các tổ chức và cá nhân được hỏi ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Đối với những công trình lớn, phức tạp, ở vị trí quan trọng trong đô thị, có yêu cầu cao về mỹ quan kiến trúc, nghệ thuật, bảo vệ cảnh quan, môi trường thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng kiến trúc quy hoạch cấp tỉnh.

**Điều 17:** Thẩm định hồ sơ, quyết định cấp giấy phép xây dựng và thu lệ phí.

Căn cứ vào hồ sơ xin phép xây dựng, các ý kiến tham vấn, chứng chỉ quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại thực địa để quyết định hoặc từ chối cấp giấy phép xây dựng.

Thời hạn xét cấp giấy phép xây dựng:

- Đối với nhà ở tư nhân có quy mô nhỏ thì thời gian xét cấp giấy phép xây dựng không quá 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với các công trình khác thì thời gian xét cấp giấy phép xây dựng không quá 45 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp nhà có nguy cơ sụp đổ, có sự xác nhận của phòng quản lý xây dựng của huyện, thị thì thời gian xét cấp giấy phép xây dựng không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Giấy phép xây dựng được lập thành 2 bản: Một bản cấp cho chủ đầu tư, một bản lưu ở cơ quan cấp giấy phép xây dựng. Trường hợp giấy phép xây dựng bị mất thì chủ đầu tư phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng biết để xử lý.

Cơ quan cấp giấy phép xây dựng thu lệ phí theo đúng quy định của Nhà nước trước khi giao giấy phép xây dựng.

Trước khi khởi công, chủ đầu tư phải thông báo ngày khởi công cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng và chính quyền sở tại cấp phường, xã biết.

Sau thời hạn 12 tháng kể từ khi nhận giấy phép xây dựng mà công trình vẫn chưa đủ điều kiện khởi công thì phải xin gia hạn thêm 12 tháng nữa, quá thời hạn trên giấy phép không còn giá trị.

**Điều 18:** Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện giấy phép xây dựng.

Các chủ đầu tư phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại giấy phép xây dựng.

Khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung những nội dung quy định ghi trong giấy phép xây dựng, thì chủ đầu tư phải xin thay đổi giấy phép xây dựng, trong đó phải giải trình rõ lý do và nội dung sửa đổi.

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung giấy phép xây dựng trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ khi nhận được văn bản giải trình của chủ đầu tư.

Khi tiến hành định vị công trình, xác định cao độ cốt nền  $\pm 0,00$ , xây móng và công trình ngầm, chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xây dựng để cử cán bộ đến kiểm tra tại hiện trường, ký tên và xác nhận việc thi công công trình theo đúng giấy phép xây dựng. Sau 3 ngày kể từ khi nhận được giấy báo của chủ đầu tư, cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải cử cán bộ đến kiểm tra xác minh tại hiện trường. Nếu quá 3 ngày mà không có cán bộ của cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến, thì chủ đầu tư được tiếp tục triển khai việc thi công công trình. Mọi sai sót do việc chậm trễ gây ra, cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải chịu trách nhiệm.

Các giai đoạn còn lại, chủ đầu tư phải thi công theo đúng giấy phép xây dựng được cấp, nếu sai phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Khi công trình xây dựng xong, phải tiến hành nghiệm thu theo đúng quy định của Bộ Xây dựng tại bản điều lệ quản lý chất lượng công trình. Cơ quan cấp giấy phép xây dựng xác nhận công trình đã xây dựng đúng giấy phép xây dựng được cấp để làm căn cứ cho chủ đầu tư xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình và sử dụng khai thác công trình.

**Điều 19:** Lưu trữ hồ sơ xin phép xây dựng và hoàn công.

Cơ quan cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng và hồ sơ hoàn công để quản lý chặt chẽ việc cải tạo và xây dựng các công trình.

**Điều 20:** Giải quyết các khiếu nại.

Cơ quan cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm nhận đơn khiếu nại của chủ đầu tư và phải cử ngay cán bộ có đủ khả năng và thẩm quyền nhận đơn và trả lời cho chủ đầu tư.

Trong trường hợp cần thiết thì Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã phải trực tiếp gặp và giải quyết khiếu nại của chủ đầu tư và của dân.

## CHƯƠNG V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 21:** Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã phải kiện toàn công tác tổ chức và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện các thủ tục hành chính cấp giấy phép xây dựng đúng với quy định của pháp luật.

Bản quy định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, những hướng dẫn trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc thì phản ánh về Sở Xây dựng xem xét giải quyết hoặc trình UBND tỉnh giải quyết.

T/M UBND tỉnh Hà Nam  
*Chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯƠNG**

**QUYẾT ĐỊNH của UBND tỉnh Hà Nam số 1093/1998/QĐ-UB ngày 16- 11- 1998 quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa.**

**ỦY BAN NHÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 21-6-1994;*

*Căn cứ Pháp lệnh chất lượng hàng hóa được Quốc hội thông qua ngày 02-01-1991 của Hội đồng Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định 86/CP ngày 08-12-1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa;*

*Xét tờ trình số 153/1998/KCM-TT ngày 26-6-1998 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Hà Nam,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1:** Nay ban hành bản Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa.

**Điều 2:** Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện Quy định này, định kỳ tổng hợp tình hình báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

*Q. Chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯƠNG**

**QUY ĐỊNH phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa. (Ban hành kèm theo Quyết định số 1093/1998/QĐ-UB ngày 16 tháng 11 năm 1998 của UBND tỉnh Hà Nam).**

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1:** Quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa là đảm bảo sự kiểm soát cần thiết của Nhà nước đối với chất lượng hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh; kịp thời uốn nắn những sai sót và ngăn chặn những hậu quả xấu với tài sản Nhà nước, quyền lợi và uy tín Quốc gia, quyền lợi và sức khỏe của nhân dân do hàng hóa không đảm bảo chất lượng gây ra.

**Điều 2:** Việc phân công thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa cho các sở, ngành nhằm mục đích:



- Nâng cao vai trò trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa của các sở, ngành trong hoạt động kiểm soát chất lượng của toàn bộ quá trình sản xuất (từ định hướng sản xuất đến sản xuất ra sản phẩm và tiêu thụ trên thị trường).

- Đề xuất với UBND tỉnh các chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa thích hợp với nền kinh tế thị trường, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân áp dụng nhanh tiến bộ KHCN để sản xuất sản phẩm có chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và Quốc tế.

**Điều 3:** Việc phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa theo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo việc quản lý tập trung thống nhất trong toàn tỉnh, đồng thời phân công trách nhiệm hợp lý với các sở, ngành nhằm mục đích tránh chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng quản lý.

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, đồng thời có sự điều chỉnh phù hợp với khả năng nghiệp vụ chuyên môn của từng sở, ngành để khắc phục những tồn tại trái với các quy định đã ban hành.

- Các sở, ngành trong phạm vi phụ trách của mình có trách nhiệm cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng.

## CHƯƠNG II

### PHÂN CÔNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

**Điều 4:** Việc phân công quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa giữa các sở, ngành được thực hiện như sau:

#### 1. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo thống

nhất quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và trình UBND tỉnh các văn bản pháp quy, kế hoạch cụ thể và biện pháp quản lý chất lượng hàng hóa.

Theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc quản lý chất lượng hàng hóa do các sở, ngành chuyên ngành quản lý. Tổng hợp tình hình quản lý chất lượng hàng hóa để định kỳ báo cáo với UBND tỉnh và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Thống nhất quản lý việc áp dụng và xây dựng các tiêu chuẩn về chất lượng hàng hóa và chấp hành các quy định về sở hữu công nghiệp. Phổ biến các tiêu chuẩn Việt Nam, xây dựng cơ sở phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và trình độ công nghệ của địa phương.

Xây dựng kế hoạch hàng năm, quý và tháng trong công tác kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Phổ biến, hướng dẫn các mô hình quản lý chất lượng tiên tiến được Nhà nước định hướng để các đơn vị sản xuất ứng dụng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi hòa nhập quốc tế về hàng hóa trong kinh doanh.

Tổ chức tập huấn nghiệp vụ các hoạt động công vụ: Thanh tra, kiểm tra chất lượng hàng hóa, trọng tài xét xử khiếu nại về chất lượng hàng hóa...

- Tổ chức đăng ký chất lượng các loại hàng hóa: Cơ khí, điện, điện tử; Trang thiết bị, dụng cụ y tế; Phân bón; Thuốc bảo vệ thực vật; Thức ăn gia súc; Các sản phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi và trồng trọt; Hàng hóa thủy sản đã qua chế biến công nghiệp; Các phương tiện nghề cá; Phương tiện giao thông, thiết bị nâng, nồi hơi, bình chịu áp lực sử dụng

trong giao thông, vận tải; vật liệu xây dựng và các sản phẩm hàng hóa khác theo yêu cầu tự nguyện của cơ sở sản xuất kinh doanh.

## **2. Sở Y tế.**

- Quản lý chất lượng hàng hóa theo quy định: Dược phẩm, dược liệu làm thuốc chữa bệnh cho người; trang thiết bị dụng cụ y tế, mỹ phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người do Bộ Y tế chỉ định, thực phẩm tươi sống và đã qua chế biến công nghiệp, các loại nước uống, bia, rượu và thuốc lá.

- Cấp đăng ký chất lượng hàng hóa cho các sản phẩm: Thực phẩm tươi sống và đã qua chế biến, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá.

## **3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

- Quản lý các loại hàng hóa: Phân bón, giống cây, giống con, thức ăn chăn nuôi, các sản phẩm sinh học phục vụ trồng trọt và chăn nuôi, động thực vật, thủy sản, ngư lưới, dụng cụ đánh cá... theo các Nghị định 07/CP; 14/CP và 15/CP của Chính phủ và các văn bản quy định khác của bộ NN-PTNT.

- Quản lý chất lượng thuốc thú y theo Pháp lệnh Thú y và Nghị định 93/CP ngày 27-11-1993 "Hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Thú y".

- Quản lý thuốc bảo vệ thực vật theo Quyết định số 150/NN-BVTV/QĐ ngày 10-3-1995 của Bộ NN-PTNT.

- Cấp giấy phép cho các tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng theo Nghị định 07/CP của Chính phủ.

- Thẩm định các điều kiện để UBND tỉnh cấp giấy phép kinh doanh giống cây nông lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân thuộc cấp tỉnh quản lý.

## **4. Sở Giao thông - Vận tải.**

Quản lý chất lượng các phương tiện vận tải; chất lượng công trình hạ tầng giao thông

theo Nghị định 42/CP và các thiết bị nâng hàng từ một tấn trở lên, nồi hơi, bình chịu áp lực sử dụng trong giao thông, vận tải thông qua kiểm định an toàn và cấp giấy phép sử dụng.

## **5. Sở Xây dựng.**

- Quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Nghị định 42/CP, Nghị định 92/CP và các văn bản của Bộ Xây dựng.

- Tổ chức và phối hợp với các sở chuyên ngành giám định, nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng. Điều tra các sự cố kỹ thuật công trình xây dựng, đề xuất phương án khắc phục để đảm bảo chất lượng công trình.

## **6. Sở Công nghiệp.**

- Quản lý chất lượng các vật liệu nổ công nghiệp với sản xuất và sử dụng thông qua các yêu cầu về trình tự, thủ tục, nội dung khảo nghiệm, thử nghiệm và chỉ định cơ quan khảo nghiệm thử nghiệm trước khi cho phép sản xuất theo quy trình của Bộ Công nghiệp.

- Quản lý chất lượng công trình điện.

- Quản lý chất lượng sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **7. Sở Văn hóa - Thông tin.**

Quản lý chất lượng các loại ấn phẩm, nhạc cụ và sản phẩm văn hóa khác theo quy định của Bộ Văn hóa - Thông tin.

## **8. Sở Thương mại - Du lịch.**

Là đầu mối quản lý chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường. Phối hợp với các sở, ngành chuyên ngành chống làm hàng giả, hàng kém chất lượng.

## **9. Ngân hàng Nhà nước.**

Quản lý và đăng ký chất lượng hàng hóa vàng theo Nghị định số 63/CP ngày 24-9-1993 của Chính phủ về quản lý Nhà nước đối

với hoạt động kinh doanh, chế tác vàng bạc và Thông tư hướng dẫn số 07/TT-NH ngày 29-10-1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

#### **10. UBND các huyện, thị có trách nhiệm:**

Đôn đốc các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc quyền quản lý thực hiện nghiêm chỉnh các quy định quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hóa. Đồng thời phối hợp hoạt động và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra trong sản xuất và lưu thông, kịp thời phát hiện hàng giả, hàng kém chất lượng, kết hợp với các ngành chức năng xử lý các hành vi vi phạm theo pháp luật Nhà nước.

**Điều 5:** Các tổ chức thực hiện dịch vụ giám định chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu và kiểm định, kiểm nghiệm hàng hóa phải được xét duyệt, công nhận và có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

Các sở, ngành tổ chức phối hợp trong công tác kiểm nghiệm để nâng cao chất lượng kiểm nghiệm và tăng cường hiệu quả sử dụng trang thiết bị có trong tỉnh.

#### **Điều 6:** Tổ chức thực hiện.

- Các đơn vị được phân công quản lý chất lượng hàng hóa chuyên ngành phải xây dựng kế hoạch hàng năm về quản lý chất lượng hàng hóa. Bố trí cán bộ có chuyên môn, đầu tư mua sắm trang thiết bị, kinh phí hoạt động để bộ phận này hoạt động có hiệu quả. Phối kết hợp tốt trong công tác kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa, tránh lãng phí vật tư, nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị hiện có.

- Định kỳ 6 tháng, 1 năm các đơn vị được phân công quản lý chất lượng hàng hóa chuyên ngành phải lập báo cáo gửi về UBND tỉnh và gửi Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường giúp UBND tỉnh tổng hợp kết quả chung báo cáo cơ quan Trung ương.

- Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Chi cục TĐC) giúp UBND tỉnh xây dựng chiến lược về chất lượng hàng hóa phù hợp với sự phát triển chung của cả nước, làm đầu mối tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác, tham quan học tập cho cán bộ các ngành trong tỉnh, thực hiện tốt quy định này của UBND tỉnh.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

*Q. Chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯỜNG**

### **QUYẾT ĐỊNH của UBND tỉnh Hà Nam số 1147/1998/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 1998 ban hành quy định về điều kiện cấp GCN quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 21-6-1994;*

*Căn cứ Luật Đất đai đã được công bố ngày 27-4-1993;*

*Căn cứ Thông tư 346-TT/TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;*

*Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 7-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh và hoàn thành giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp;*

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Căn cứ Kế hoạch số 278/KH-UB ngày 15-7-1998 của UBND tỉnh Hà Nam về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam về việc tăng cường công tác quản lý sử dụng đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Địa chính tại Tờ trình số 250/TT-ĐC ngày 19-11-1998,

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều I:** Ban hành kèm theo quyết định này bản “Quy định về điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

**Điều II:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Giao cho Sở Địa chính có văn bản hướng dẫn chi tiết việc thực hiện.

**Điều III:** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Địa chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND các cấp và các chủ sử dụng đất chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M UBND TỈNH HÀ NAM

Phó chủ tịch

PHẠM BÁ NGỌC

**QUY ĐỊNH về điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam. (Ban hành kèm theo Quyết định số 1147/1998/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 1998).**

**Điều 1:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý xác lập mối quan hệ hợp pháp giữa người sử dụng đất với Nhà nước. Nhà nước chỉ cấp giấy chứng nhận cho chủ sử dụng với những thửa đất sử dụng hợp pháp; chủ sử dụng những thửa đất sử dụng chưa hợp pháp phải được xử lý trước khi xét cấp giấy chứng nhận (có quy định riêng về xử lý các trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp).

**Điều 2:** Đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng các thửa đất hợp pháp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 3:** Khái niệm về tình trạng pháp lý của thửa đất.

a) Thửa đất sử dụng hợp pháp là thửa đất có ranh giới rõ ràng; không có tranh chấp; người sử dụng thửa đất đó sử dụng đúng chủ trong hồ sơ, đúng vị trí, diện tích và đúng mục đích được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao quyền sử dụng hoặc đã được phép nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

b) Thửa đất sử dụng chưa hợp pháp là thửa đất khi sử dụng có vi phạm một trong các điểm trên.

**Điều 4:** Căn cứ vào tình trạng pháp lý của các thửa đất đối với chủ sử dụng để phân chia chủ sử dụng đất làm 2 loại:

1. Chủ sử dụng các thửa đất sử dụng hợp pháp (gọi tắt là hộ sử dụng đất hợp pháp).

2. Chủ sử dụng các thửa đất sử dụng chưa hợp pháp (gọi tắt là hộ sử dụng đất chưa hợp pháp).

**Điều 5:** Mỗi hộ gia đình do 1 người đứng tên chủ hộ sử dụng đất đối với mọi thửa đất sử dụng trong hộ đó, kể cả thửa sử dụng hợp pháp, thửa sử dụng chưa hợp pháp.

Các tổ chức do người đại diện hợp pháp của tổ chức đó đứng ra kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Điều 6:** Danh sách các hộ sử dụng đất hợp pháp và danh sách các hộ sử dụng đất chưa hợp pháp do Hội đồng đăng ký đất của xã, phường, thị trấn lập. UBND xã, phường, thị trấn trình UBND huyện, thị phê duyệt đối với hộ gia đình, cá nhân; UBND tỉnh phê duyệt đối với tổ chức.

**Điều 7:** Danh sách các hộ sử dụng đất hợp pháp là cơ sở pháp lý để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Điều 8:** Toàn tỉnh sử dụng thống nhất một loại giấy chứng nhận do Tổng cục Địa chính phát hành để cấp cho các loại đất và các đối tượng sử dụng đất. Một hộ sử dụng đất có thể được cấp nhiều giấy chứng nhận với các thửa đất khác nhau, các thời điểm khác nhau.

**Điều 9:** Thửa đất có nhiều chủ sử dụng, ranh giới không ổn định thì cấp cho mỗi chủ 1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích mà họ sử dụng.

## CHƯƠNG II

### ĐIỀU KIỆN ĐỂ XẾP VÀO DANH SÁCH HỘ SỬ DỤNG ĐẤT HỢP PHÁP

**Điều 10:** Điều kiện chung: tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất với những thửa đất có đủ tiêu chuẩn nói tại khoản a, điều 3.

**Điều 11:** Các hộ sử dụng đất sau đây, nếu không có vi phạm mới xảy ra thì được xếp vào danh sách hộ sử dụng đất hợp pháp:

1. Hộ có thửa đất được thống kê trong phương án giao đất đã được UBND huyện phê duyệt khi thực hiện Quyết định 115/QĐ-UB ngày 15-2-1992 của UBND tỉnh Hà Nam

Ninh và Quyết định 990/QĐ-UB ngày 28-9-1995 của UBND tỉnh Nam Hà. (Kể cả đất chiếm dụng, lan chạp trong dân cư, vấn đề sản xuất nông nghiệp đã tính trừ vào mức đất giao cho hộ gia đình khi giao đất nông nghiệp theo Luật Đất đai năm 1993).

2. Hộ trước đây đã xếp vào:

a) Hộ loại I khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 01-10-1980 của Thủ tướng Chính phủ; hộ xếp vào danh sách hộ sử dụng đất hợp pháp khi thực hiện Quyết định 924/QĐ-UB ngày 19-7-1988 của UBND tỉnh Hà Nam Ninh.

b) Hộ loại II, loại IV khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg hoặc hộ sử dụng đất chưa hợp pháp khi thực hiện Quyết định 924 đã được hợp thức hóa và đã thực hiện xong phương án xử lý.

3. Hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy phép sử dụng đất tạm thời khi thực hiện Chỉ thị 299 hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức khi thực hiện Quyết định 924.

4. Các hộ sử dụng các thửa đất không đúng quy định của pháp luật đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hợp thức hóa quyền sử dụng đất trong các trường hợp khác, sau khi họ đã thực hiện xong phương án xử lý.

5. Các hộ sử dụng các thửa đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất.

6. Hộ sử dụng đất do cơ quan, tổ chức bán nhà ở theo Nghị định 61/CP ngày 5-7-1994 của Chính phủ về mua bán, kinh doanh nhà ở.

7. Hộ được nhận tài sản, đất đai theo quyết định của tòa án nhân dân các cấp về phân định tài sản (sau khi bản án có hiệu lực pháp luật).

8. Hộ mua tài sản trên thửa đất của hộ gia đình, cá nhân thế chấp tại ngân hàng, do ngân hàng hóa giá để trừ nợ.

9. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng chính sách được cấp nhà tình nghĩa.

10. Người sử dụng đất là thành viên của hộ gia đình sử dụng đất mà người đứng tên chủ sử dụng đất đã chết (việc đăng ký trong trường hợp này không làm mất quyền thừa kế của các thành viên có liên quan).

11. Hộ được nhận quyền sử dụng đất do người khác chuyển nhượng, được thừa kế, cho, tặng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

**Điều 12:** Đối với các tổ chức sử dụng đất (các tổ chức đó không trực thuộc cấp xã).

a) Các tổ chức kinh tế: Các tổ chức kinh tế có đủ các điều kiện sau:

- Có quyết định thành lập tổ chức của cơ quan có thẩm quyền.

- Đang sản xuất kinh doanh, không có vi phạm chế độ quản lý sử dụng đất, đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

- Ranh giới rõ ràng, thể hiện đầy đủ trong hồ sơ Địa chính (mục kê, bản đồ).

- Sử dụng đất đúng mục đích, sản xuất kinh doanh theo quyết định thành lập doanh nghiệp, sử dụng đất có hiệu quả.

b) Các tổ chức là cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội...

- Có quyết định thành lập tổ chức hoặc đang hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Có quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc đã đăng ký sử dụng được chính quyền địa phương thừa nhận.

- Đã thực hiện nghĩa vụ với địa phương, với Nhà nước theo quy định.

- Sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả.

### **Điều 13:**

1. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài và các tổ chức tôn giáo chỉ đăng ký sử dụng chưa cấp GCN, chờ hướng dẫn của Trung ương.

2. Đất nhà thờ họ (tộc) thuộc lương dân, có ranh giới riêng biệt, không tranh chấp thì chỉ đăng ký sử dụng, chưa cấp GCN chờ hướng dẫn của Trung ương.

## *CHƯƠNG III*

### **ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

**Điều 14:** Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Những văn bản trước đây trái với quy định này nay bãi bỏ.

**QUYẾT ĐỊNH của UBND tỉnh Hà Nam số 28/1999/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 1999 ban hành quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và các hành vi kinh doanh trái phép trên địa bàn tỉnh.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 21-6-1994;*

*Căn cứ Quyết định số 96/TTg ngày 18-2-1995 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép;*

*Căn cứ Chỉ thị 853/1997/CT-TTg ngày 11-10-1997 của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống buôn lậu trong tình hình mới và Chỉ thị số 37/CT-UB ngày 11-6-1997 của UBND tỉnh Hà Nam;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thương mại - Du lịch Hà Nam,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này bản quy chế về trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3:** Chánh văn phòng UBND tỉnh, giám đốc các sở, ban, ngành trong tỉnh, chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**T/M UBND TỈNH HÀ NAM**

*Chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯƠNG**

**QUY CHẾ về trách nhiệm và quan hệ phối hợp các hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép. (Ban hành kèm theo QĐ số 28/1999/QĐ-UB ngày 08-01-1999).**

## **CHƯƠNG I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1:** Quy chế này quy định những nguyên tắc, xác định trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp hoạt động giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã trực thuộc tỉnh và các cơ quan nhà nước TW hoạt động trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan nhà nước) trong việc thực hiện nhiệm vụ QLTT chống buôn lậu, gian lận thương mại và các hành vi kinh doanh trái phép, bao gồm cả hàng hóa bày bán trên các cửa hiệu, dự trữ trong kho, vận chuyển trên đường, buôn bán hàng cấm, buôn bán và sản xuất hàng giả, trốn lậu thuế... (sau đây gọi tắt là buôn lậu và gian lận thương mại).

**Điều 2:** Các cơ quan Nhà nước hoạt động trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu và gian lận thương mại trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình đúng với chức năng quản lý nhà nước được giao theo luật định. Giám đốc các sở, ban ngành, thủ trưởng các cơ quan liên quan, chủ tịch UBND huyện, thị xã chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về những việc sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trong ngành, địa phương trực tiếp quản lý.

3. Những vi phạm pháp luật xảy ra trong ngành, địa phương mình.

**Điều 3:** Trong khi thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường, chống buôn lậu và kinh doanh trái phép theo chức năng quản lý nhà nước

của mình, các cơ quan có trách nhiệm chủ động tổ chức phối hợp hoạt động để đảm bảo sự thống nhất đồng bộ trong chỉ đạo điều hành giữa các cơ quan nhà nước.

- Việc phối hợp tiến hành trên cơ sở nhiệm vụ quyền hạn của từng cơ quan nhà nước và yêu cầu công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trong từng thời gian, địa bàn cụ thể.

**Điều 4:** UBND tỉnh giao cho Sở Thương mại - Du lịch chủ trì tổ chức sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép theo quy chế này trong phạm vi toàn tỉnh.

## CHƯƠNG II

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG, CHỐNG BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH TRÁI PHÉP

**Điều 5:** Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

1. Xây dựng kế hoạch chiến lược và có biện pháp thích hợp để mở rộng và phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, mở rộng giao lưu hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa xuất khẩu đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước, khu vực và thế giới.

2. Tập hợp các chế độ chính sách, văn bản pháp luật hiện hành để chỉ đạo, triển khai thực hiện trong ngành, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục những sơ hở, chồng chéo, thiếu sót gây cản trở cho sản xuất, kinh doanh đồng thời là kẻ hở bị lợi dụng để buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

3. Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật nhà nước trong quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trong ngành, lĩnh vực được giao theo thẩm quyền.

4. Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở các ngành, các cấp, các lực lượng có chức năng quản lý thị trường theo từng khu vực, ngành nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm túc những diễn biến xấu xảy ra trên thị trường.

5. Xử lý nghiêm, đúng pháp luật theo thẩm quyền những tổ chức cá nhân có hành vi vi phạm trong lĩnh vực buôn lậu và gian lận thương mại. Những vụ việc có dấu hiệu phạm tội thì phải chuyển giao đến cơ quan điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự. Quyết định xử lý không đúng gây tổn thất tới kinh tế, vật chất của tập thể, cá nhân các thành phần kinh tế thì cơ quan hoặc người ra quyết định xử lý phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo luật định.

**Điều 6:** Các sở, ban, ngành có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra được xác định nhiệm vụ cụ thể sau:

**Sở Thương mại - Du lịch :** Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao Sở có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tất cả các hoạt động thương mại - du lịch, dịch vụ của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh nhà.

Tổ chức chỉ đạo công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động thương mại - du lịch, dịch vụ của tất cả các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Chịu trách nhiệm tổ chức sự phối hợp hoạt động giữa các ngành, các cấp trong tỉnh trong việc chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép theo Điều 1 Nghị định số 35/CP ngày 25-4-1994 của Chính phủ, Quyết định số 96/TTg ngày 18-2-1995 của Thủ tướng Chính phủ và quy chế này của UBND tỉnh Hà Nam.



Chỉ đạo lực lượng QLTT phối hợp tất với các lực lượng chống buôn lậu, gian lận thương mại ở các ngành, các cấp kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm túc những đối tượng buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Lực lượng QLTT trong khi đang thi hành công vụ phát hiện thấy các phương tiện giao thông có chuyên chở hàng lậu, hàng gian, hàng giả, hàng trốn thuế... thì phải kịp thời bằng thông tin nhanh nhất tới lực lượng cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ ở nơi gần nhất để cảnh sát giao thông dừng phương tiện cho lực lượng QLTT kiểm tra phương tiện theo thủ tục pháp luật đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin của mình theo tinh thần Chỉ thị số 21/1998/CT-TTg ngày 24-4-1998 của Thủ tướng Chính phủ.

**Công an tỉnh:** Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Công an tỉnh có trách nhiệm chủ động nắm tình hình, điều tra, phát hiện, xử lý và bắt giữ các vụ buôn bán sản xuất hàng cấm, hàng giả, hàng lậu... chủ yếu là các vụ lớn, trọng điểm.

Tổ chức chỉ đạo lực lượng công an toàn tỉnh thực hiện tốt công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

Tổ chức chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông phối hợp hỗ trợ với các lực lượng có chức năng chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép và đặc biệt là lực lượng QLTT trong việc kiểm tra, kiểm soát các phương tiện giao thông có chuyên chở hàng cấm, hàng giả, hàng gian lận thương mại... Thực hiện việc dừng phương tiện để kiểm tra, kiểm soát khi nhận được đề xuất của lực lượng QLTT hay các ngành khác có chức năng chống buôn lậu và gian lận thương mại. Sau khi dừng phương tiện vận tải phải lập biên bản ban đầu để bàn giao lại phương tiện cho lực lượng đề xuất và tạo điều kiện cần

thiết, an toàn để các lực lượng đề xuất hoàn thành nhiệm vụ theo tinh thần Chỉ thị số 21/1998/CT-TTg ngày 24-4-1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức chỉ đạo lực lượng cảnh sát kinh tế, điều tra phát hiện các vụ buôn lậu, gian lận thương mại lớn, trọng điểm để đưa ra xử lý thật nghiêm minh mang tính chất răn đe, giáo dục cho các đối tượng khác.

**Bộ chỉ huy quân sự tỉnh:** Chỉ đạo các đơn vị quân đội chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước và quân đội, thường xuyên thanh tra, kiểm tra các đơn vị quân đội để ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ buôn lậu và gian lận thương mại.

Tổ chức chỉ đạo các đơn vị quân đội phối hợp với các lực lượng có chức năng chống buôn lậu, gian lận thương mại kiểm tra, bắt giữ các vụ buôn lậu và kinh doanh trái phép theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Giám đốc sở Thương mại - Du lịch tỉnh.

**Cục thuế tỉnh:** Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác thu thuế đối với các hoạt động kinh doanh trên thị trường, chỉ đạo kiểm tra giám sát việc chấp hành luật thuế, chống trốn thuế, lậu thuế. Chủ trì phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các lực lượng có chức năng ở các ngành các cấp chống trốn thuế, lậu thuế, xử lý các hành vi vi phạm chính sách thuế theo luật định.

**Thanh tra tỉnh:** Chỉ đạo hệ thống thanh tra các ngành các cấp thực hiện việc thanh tra chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế để phát hiện và ngăn chặn những trường hợp buôn lậu, kinh doanh trái pháp luật và gian lận thương mại. Đồng thời thanh tra việc chấp hành pháp luật của những cơ quan nhà nước, những lực lượng có chức năng quản lý thị trường chống buôn lậu và gian lận

thương mại để kịp thời phát hiện và có biện pháp ngăn chặn các hoạt động trái pháp luật của những cơ quan, lực lượng trên. Kiến nghị bổ sung cơ chế chính sách nhằm khắc phục những thiếu sót trên.

**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Có trách nhiệm quản lý sản xuất kinh doanh và chất lượng giống cây trồng, giống con nuôi, phân bón, các loại thuốc BVTV, thuốc thú y, khai thác và chế biến lâm sản.

Phối hợp với lực lượng QLTT kiểm tra chống buôn lậu, bán hàng giả, hàng kém chất lượng và kinh doanh trái phép, vận chuyển buôn bán, sử dụng lâm sản theo quy định của pháp luật.

Trong công tác kiểm tra, kiểm soát của mình nếu phát hiện thấy phương tiện vận chuyển chở hàng lậu, hàng giả, hàng buôn bán trái phép thì báo ngay cho lực lượng chống buôn lậu của tỉnh để phối hợp kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền.

**Sở Tư pháp:** Có trách nhiệm chủ trì và phối hợp các cơ quan nhà nước rà xét các văn bản pháp luật và những quyết định, quy định, chỉ đạo của địa phương để phát hiện những sơ hở về quản lý nhà nước, kiến nghị, bổ sung phối hợp với Sở Thương mại - Du lịch phổ biến, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

**Sở Tài chính - Vật giá:** Có trách nhiệm quản lý chặt chẽ nguồn thu chi ngân sách, đặc biệt là đối với các tổ chức dùng tiền ngân sách để đầu tư kinh doanh trái phép kiếm lời bất chính. Chủ trì tổ chức đấu giá hàng hóa tịch thu mà các cơ quan có thẩm quyền xử lý, chuyển giao cấp đủ và kịp thời kinh phí thường xuyên, đột xuất cho các lực lượng có chức năng quản lý thị trường chống buôn lậu theo quy định của Nhà nước.

**Kho bạc Nhà nước tỉnh:** Có trách nhiệm tổ chức kiểm soát, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, chi từ các hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái pháp luật.

Tổ chức, chỉ đạo các điểm thu phạt trên địa bàn tỉnh để tránh gây ách tắc, phiền hà cho người nộp phạt.

**Các ngành khác:** Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, tăng cường quản lý nhà nước ở ngành mình chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép nhằm ổn định thị trường, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng giao lưu hàng hóa.

**Điều 7:** Trách nhiệm của UBND huyện, thị xã trong lĩnh vực quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

1. Tổ chức tốt thị trường trên địa bàn nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hóa theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các chủ trương chính sách, chế độ và sự chỉ đạo của UBND tỉnh và các ngành của tỉnh về công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép. Không ban hành những quy định hoặc chỉ thị trái với cấp trên gây tác động xấu đến trật tự kinh tế - xã hội tạo sơ hở cho bọn tham nhũng, buôn lậu lợi dụng.

3. Tổ chức chỉ đạo các ngành, các cấp, các lực lượng có chức năng ở địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn chấp hành pháp luật về quản lý thị trường, ngăn chặn, phát hiện xử lý kịp thời những hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép theo thẩm quyền mà pháp luật quy định. Đồng thời chịu trách nhiệm về các quyết định xử lý, nếu các quyết định xử lý không đúng gây tổn hại về vật

chất, kinh tế cho các thành phần kinh tế thì phải bồi thường.

4. Kiến nghị, đề xuất với UBND tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước sửa chữa, bổ sung... các quy định biện pháp có liên quan đến công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

5. Phối hợp với các cơ quan nhà nước, các lực lượng có chức năng quản lý thị trường của tỉnh, của Trung ương trong việc tổ chức kiểm tra, kiểm soát thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

6. Có trách nhiệm tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

### CHƯƠNG III

#### QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

**Điều 8:** Theo yêu cầu cụ thể trong từng thời gian, trên từng địa bàn và chức năng của các cơ quan Nhà nước trong công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép, các cơ quan chủ động quan hệ phối hợp hoạt động.

1. Phối hợp trong việc xây dựng kế hoạch, phương án công tác, các biện pháp quản lý trong ngành, trong địa bàn. Kế hoạch, phương án có liên quan đến ngành khác, địa phương khác cần có sự bàn bạc thống nhất với ngành và địa phương trước khi quyết định hoặc trình cấp trên quyết định.

2. Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình thị trường, về tình hình chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép, kết quả công tác chống buôn lậu của

từng ngành, từng địa phương trong từng thời gian.

3. Phối hợp chỉ đạo đồng bộ các biện pháp xử lý vi phạm hành chính kinh tế, giáo dục, tuyên truyền, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

4. Phối hợp trong công tác tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra phát hiện xử lý các vụ buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép, cung cấp đối tượng, phạm vi hoạt động... tổ chức lực lượng, phương tiện kiểm tra bắt giữ, xử lý. Khi xử lý cần bàn bạc thống nhất giữa các ban tham gia. Trong trường hợp cần thiết tổ chức lực lượng kiểm tra liên ngành có trách nhiệm chính trong việc quyết định kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền.

**Điều 9:** UBND tỉnh thống nhất giao nhiệm vụ chỉ đạo công tác quản lý thị trường và chủ trì sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép cho Sở Thương mại - Du lịch (cụ thể là lực lượng QLTT tỉnh).

##### 1. Về trách nhiệm:

- Chủ trì tổ chức phối hợp hoạt động giữa các cơ quan Nhà nước theo nội dung phối hợp tại điều 8 trên đây để thống nhất chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trên địa bàn toàn tỉnh.

- Theo dõi đôn đốc các cơ quan nhà nước, các ngành, các cấp trong việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

- Tổng hợp tình hình thị trường, hoạt động thanh tra, kiểm tra thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép để báo cáo với UBND tỉnh, Bộ Thương

mai và thông báo cho các ngành, các cấp trong tỉnh biết.

- Thẩm tra, xem xét trình UBND tỉnh quyết định xử lý vụ việc về chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, trực tiếp xử lý những vi phạm theo thẩm quyền.

## 2. Về quyền hạn :

- Được yêu cầu các cấp, các ngành cung cấp thông tin báo cáo kịp thời về tình hình thị trường và công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

- Kiến nghị với các cơ quan Nhà nước thực hiện đúng chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

- Chủ trì phối hợp kiểm tra, kiểm soát thị trường. Khi cần thiết được yêu cầu các cơ quan có liên quan cung cấp lực lượng, phương tiện để kịp thời ngăn chặn bắt giữ các vụ buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép.

- Được sự đồng ý của UBND tỉnh Sở Thương mại - Du lịch đứng ra triệu tập định kỳ hay đột xuất các cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý thị trường chống buôn lậu trên địa bàn tỉnh họp kiểm điểm rút kinh nghiệm, bàn biện pháp tổ chức kiểm tra, kiểm soát thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

**Điều 10:** Các cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Thương mại - Du lịch như sau:

1. Phân công các đồng chí lãnh đạo (cấp phó của sở, ngành, phó chủ tịch UBND huyện, thị xã) phụ trách, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái

phép của ngành, địa phương mình đồng thời làm đầu mối quan hệ với Sở Thương mại - Du lịch trong công tác chống buôn lậu (đại diện là Chi cục QLTT tỉnh).

2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thường xuyên hay đột xuất với UBND tỉnh (qua Sở Thương mại - Du lịch, Chi cục QLTT).

Theo quy định của Chính phủ về tình hình thị trường, công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép.

3. Tham dự các phiên họp định kỳ, đột xuất khi Sở Thương mại - Du lịch triệu tập khi đã được sự nhất trí của UBND tỉnh Hà Nam.

4. Cử cán bộ, chuyên viên của cơ quan mình tham gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép theo đề nghị của Sở Thương mại - Du lịch.

**Điều 11:** Kinh phí dùng trong công tác quản lý thị trường do ngân sách Nhà nước cấp theo chế độ, chính sách tại các cấp, các ngành. Nếu các đơn vị có yêu cầu chi đột xuất lập tờ trình với UBND tỉnh và Sở Tài chính - Vật giá tỉnh để xem xét cấp bổ sung.

## CHƯƠNG IV

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 12:** Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký

**Điều 13:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định và quy chế này, thủ trưởng các cơ quan, chủ tịch UBND huyện, thị xã có trách nhiệm:

1. Xây dựng kế hoạch chương trình công tác cụ thể để tổ chức thực hiện công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép trong ngành, địa phương.

2. Tổ chức tốt sự phối hợp công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh trái phép ở từng ngành, từng cấp, từng thời gian, địa bàn theo quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc hoặc không hợp lý đề nghị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Thương mại - Du lịch).

T/M UBND tỉnh Hà Nam  
Chủ tịch

**ĐINH VĂN CƯƠNG**

**QUYẾT ĐỊNH tạm thời của UBND tỉnh Hà Nam số 47/1999/QĐ-UB ngày 12-01-1999 về tỷ lệ điều tiết các khoản thu NSNN cho ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và ngân sách xã, phường, thị trấn năm 1999.**

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 21-6-1994;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996; Nghị định 87/CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ về việc “Quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước”; Luật bổ sung, sửa đổi một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18-7-1998 của Chính phủ về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19-12-1996 quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18-7-1998 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc phân cấp,*

*lập, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước”;*

*- Căn cứ vào Quyết định số 70/1998/QĐ-BTC ngày 26-12-1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 1999;*

*Theo đề nghị của đồng chí Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá;*

*Để đảm bảo công tác hạch toán kế toán và điều tiết các khoản thu ngân sách cho các cấp ngân sách ngay từ đầu năm 1999, trong khi chờ Hội đồng nhân dân tỉnh họp phê duyệt phân cấp nguồn thu cho các cấp ngân sách năm 1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định tạm thời tỷ lệ điều tiết các khoản thu ngân sách cho các cấp ngân sách như sau,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1:** Nay quy định tạm thời tỷ lệ điều tiết các khoản thu ngân sách Nhà nước năm 1999 trên địa bàn cho ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách các xã, phường, thị trấn như sau:

**I - Các khoản thu ngân sách các cấp hưởng 100%**

**1. Ngân sách Trung ương:** Bao gồm các khoản thu quy định tại điểm 1 Điều 28 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Điểm 1 Điều 15 của Nghị định 51/1998/NĐ-CP ngày 18-7-1998 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp, lập, chấp hành, kế toán và quyết toán ngân sách Nhà nước.

- Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu.
- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước thu vào các mặt hàng bài lá, vàng mã và các dịch vụ

kinh doanh vũ trường, mát xa, karaôkê, kinh doanh gôn, (golf), bán thẻ hội viên, vé chơi gôn, kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc - pót, kinh doanh vé đặt cược, đua ngựa, đua xe. Phần này điều tiết cho ngân sách xã, phường, thị trấn).

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành

- Các khoản thuế và thu khác từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí (kể cả tiền thuê mặt đất, mặt nước) do Trung ương quản lý.

- Thu nhập từ vốn góp của Nhà nước, tiền thu hồi vốn của Nhà nước tại các cơ sở kinh tế, thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (cả gốc và lãi), thu từ quỹ dự trữ nhà nước, thu từ quỹ dự trữ tài chính của Trung ương trong trường hợp đặc biệt.

- Các khoản do Chính phủ vay; viện trợ không hoàn lại

- Thu hoàn vốn, thanh lý tài sản do thanh lý doanh nghiệp và thu khác của doanh nghiệp Nhà nước.

- Thu sự nghiệp của các đơn vị do các cơ quan Trung ương quản lý.

- Các khoản phí và lệ phí nộp ngân sách Trung ương: lệ phí xuất nhập cảnh, lệ phí bay qua bầu trời, phí giao thông thu từ cầu đường do Trung ương quản lý.

- Thu khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Thu khác của NSTW theo quy định của pháp luật.

## **2. Ngân sách tỉnh:**

- Thuế giá trị gia tăng từ các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn (trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu).

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành).

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thuộc các công ty, trạm trại do Cục Thuế tỉnh trực tiếp quản lý.

- Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

- Thu sử dụng vốn ngân sách

- Thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp Nhà nước

- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước

- Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước

- Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà đất).

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Huy động các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh.

- Thu phạt an toàn giao thông theo Nghị định 36/CP của Chính phủ.

- Thu học phí

- Thu viện phí

- Các khoản thu sự nghiệp, phí, lệ phí, thu khác do các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc tỉnh đóng trên địa bàn các huyện, thị xã nộp (kể cả số thu của Sở Công an, Tòa án tỉnh, Đội thi hành án, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh nộp).

- Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật

### **3. Ngân sách huyện, thị xã:**

- Thuế môn bài: Trừ thuế môn bài thu từ các cá nhân và nhóm kinh doanh nhỏ ở xã, thị trấn. (Riêng đối với thuế môn bài thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh trên địa bàn phường điều tiết cho ngân sách thị xã 100%).

- Các khoản thu sự nghiệp, phí, lệ phí, thu khác do các phòng, ban ngành và các đơn vị thuộc huyện, thị xã đóng trên địa bàn các huyện, thị xã nộp (kể cả số thu của Công an, Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân huyện, thị nộp).

- Lệ phí trước bạ nhà đất

- Thuế tài nguyên thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật

- Thu kết dư ngân sách huyện

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh

### **4. Ngân sách xã, phường, thị trấn:**

a) Xã, thị trấn :

- Thuế môn bài thu từ các cá nhân và nhóm kinh doanh nhỏ ở xã, thị trấn (từ bậc 4 đến bậc 6).

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước thu vào các mặt hàng bài lá, vàng mã và các dịch vụ kinh doanh vũ trường, mát xa, karaôkê, kinh doanh gôn (golf), bán thẻ hội viên, vé chơi gôn, kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pốt, kinh doanh vé đặt cược đua ngựa, đua xe).

- Các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp thu cho ngân sách xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

- Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác

- Tiền thu hoạt động sự nghiệp do xã, thị trấn quản lý

- Các khoản đóng góp tự nguyện cho xã, thị trấn

- Thu kết dư ngân sách xã, thị trấn

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện, thị xã

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật

b) Phường:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước thu vào các mặt hàng bài lá, vàng mã và các dịch vụ kinh doanh vũ trường, mát xa, karaôkê, kinh doanh gôn (golf) bán thẻ hội viên, vé chơi gôn, kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pốt, kinh doanh vé đặt cược đua ngựa, đua xe).

- Các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp cho ngân sách phường theo quy định của pháp luật.

- Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân cho phường.

- Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho phường theo quy định của pháp luật.

- Thu kết dư ngân sách phường

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật

## ***II - Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ điều tiết.***

1. Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh ngân sách

xã cấp tỉnh 50%, ngân sách cấp huyện, thị xã 50%.

2. Thu cấp quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất do các đơn vị Trung ương và tỉnh quản lý điều tiết ngân sách tỉnh 100%. Thu cấp quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất do huyện, thị xã, xã, thị trấn quản lý điều tiết ngân sách cấp huyện, thị xã 100%. Trong đó 40% cân đối chi thường xuyên, 60% sử dụng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. UBND tỉnh ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã quy định tỷ lệ điều tiết 60% số tiền sử dụng đất nêu trên để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngân sách huyện và ngân sách xã, thị trấn. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã chủ động bố trí danh mục công trình thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi quyết định đầu tư xây dựng.

3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp (trừ thuế sử dụng đất nông nghiệp thuộc các công ty, trạm trại do Cục thuế trực tiếp quản lý): ngân sách cấp tỉnh 50%, ngân sách huyện, thị xã 30%, ngân sách xã, phường, thị trấn 20%.

4. Thuế nhà đất: ngân sách tỉnh 50%, ngân sách huyện, thị xã 30%, ngân sách xã, thị trấn 20% (không gồm ngân sách phường).

5. Thu 3 quỹ: ngân sách tỉnh 10%, ngân sách huyện 50%, ngân sách xã, phường, thị trấn 40%.

**Điều 2:** Tỷ lệ điều tiết này được thực hiện từ ngày 01-01-1999 và thay thế Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 22-02-1997 của UBND tỉnh Hà Nam.

**Điều 3:** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Địa chính, Sở Giao thông - Vận tải, Kho bạc Nhà

nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

*Chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯỜNG**

**QUYẾT ĐỊNH của UBND tỉnh Hà Nam số 196/1999/QĐ-UB ngày 8 tháng 2 năm 1999 ban hành quy định thực hiện Nghị định 48/CP ngày 05 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng, quản lý nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, trên địa bàn tỉnh Hà Nam.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 6 năm 1994;*

*Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;*

*Căn cứ Nghị định số 48/CP ngày 5 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng, quản lý nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 626/TTr - SXD ngày 7 tháng 12 năm 1998 và ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 431/CV-TP ngày 15 tháng 10 năm 1998,*



## QUYẾT ĐỊNH :

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này bản quy định thực hiện Nghị định 48/CP ngày 5 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng, quản lý nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3:** Chánh văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, chủ tịch UBND các huyện, thị xã, phường, xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M UBND tỉnh Hà Nam

*Chủ tịch*

**ĐINH VĂN CƯỜNG**

**QUY ĐỊNH thực hiện Nghị định 48/CP ngày 5 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng, quản lý nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam. (Ban hành kèm theo Quyết định số 196/1999/QĐ-UB ngày 8 tháng 2 năm 1999 của UBND tỉnh).**

### A - QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1:** Bản quy định này quy định một số nội dung cụ thể về việc tổ chức thực hiện Nghị định 48/CP ngày 5-5-1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong quản

lý xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Bản quy định này sẽ hết hiệu lực khi có quy định mới thay thế.

**Điều 2:** Bản quy định này được áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân quy định tại chương 2 Nghị định 48/CP có hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý xây dựng cơ bản nhưng chưa đến mức độ phải truy cứu trách nhiệm hình sự, bao gồm:

1. Xây dựng công trình mới, cải tạo, sửa chữa vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý xây dựng, vi phạm: chỉ giới đường đỏ đã cắm mốc, chỉ giới xây dựng, không gian kiến trúc, hành lang an toàn giao thông, đê điều, khu vực bảo vệ các công trình quốc phòng, an ninh, khu di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng và các khu vực khác mà Nhà nước quy định không được xây dựng.

2. Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý nhà tại các điểm dân cư, các đô thị

3. Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị như mạng lưới điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cung cấp năng lượng (xăng, dầu, khí đốt).

**Điều 3:** Việc xử phạt hành chính trong xây dựng cơ bản phải thực hiện theo đúng quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 6-7-1995 và Nghị định số 48/CP ngày 5-5-1997 của Chính phủ và bản quy định này.

**Điều 4:** Tổ chức cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý trật tự trong xây dựng cơ bản có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định 48/CP phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm, thẩm quyền của mình. Nghiêm cấm việc bao che các hành vi vi phạm, né tránh, đùn đẩy, không xử lý kịp thời để hành vi vi phạm diễn biến thành nghiêm trọng.

**Điều 5:** Những nội dung không được hướng dẫn trong bản quy định này thì phải căn cứ

vào Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 48/CP để thi hành.

## B - CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 6:** Trách nhiệm, quyền hạn của UBND phường, xã, thị trấn.

### 1. Quyền hạn, trách nhiệm chung:

- Chịu trách nhiệm chính về quản lý trật tự xây dựng cơ bản theo quy hoạch trên địa bàn do mình quản lý để đưa công tác quản lý trật tự xây dựng cơ bản vào nề nếp.

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước và UBND tỉnh về quản lý xây dựng cơ bản.

- Hòa giải, tham gia hòa giải các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về xây dựng, bồi thường thiệt hại trong xây dựng.

### 2. Quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

- Chỉ đạo các lực lượng Công an, tổ công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, tập hợp các biên bản đình chỉ, hoàn chỉnh hồ sơ ra quyết định xử phạt theo thẩm quyền...

- Tổ chức, phân công các lực lượng trên thực hiện các quyết định xử phạt đã ban hành, kiên quyết xử lý kịp thời, triệt để, các trường hợp tái phạm. Trường hợp cố tình không chấp hành xử phạt thì ra quyết định cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 55 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

- Trường hợp vượt quá thẩm quyền, chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn lập đầy đủ hồ sơ, có đề nghị ý kiến xử lý, trình UBND huyện, thị quyết định.

- Tham gia thực hiện quyết định cưỡng chế và xử phạt của UBND cấp trên.

### **Điều 7:** Các hành vi vi phạm hành chính,

hình thức và mức xử phạt thực hiện đúng theo quy định tại chương II Nghị định số 48/CP ngày 5 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ.

**Điều 8:** Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

- Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ mức thấp nhất đến 200.000 đồng.

- Tịch thu tang vật, phương tiện trực tiếp sử dụng để vi phạm hành chính có trị giá đến 500.000 đồng.

- Buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra đến 500.000 đồng.

- Buộc khôi phục lại hiện trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

- Đình chỉ hành vi xây dựng, sửa chữa các công trình vi phạm quy định về quản lý xây dựng, công trình không có giấy phép hoặc sai giấy phép xây dựng và các hành vi vi phạm công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, báo cáo ngay cho cấp có thẩm quyền xử lý.

**Điều 9:** Về cơ cấu của tổ công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị, xã phường, thị trấn (viết tắt là tổ công tác quản lý TTXD). Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn tùy theo đặc điểm tình hình thực tế của địa phương ra quyết định thành lập tổ công tác quản lý TTXD tại địa bàn theo mô hình tổ chức sau:

- Chủ tịch hoặc phó chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn - tổ trưởng

- Cán bộ đội quản lý trật tự xây dựng đô thị do UBND huyện, thị tăng cường - tổ phó

- Cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn - tổ viên

- Đại diện thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn - tổ viên

- Công an khu vực - tổ viên

Tổ công tác TTXD là đầu mối của UBND xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, lập báo cáo chung về tình hình TTXD trên địa bàn.

**Điều 10:** Trách nhiệm, quyền hạn của UBND huyện, thị xã.

1. Trách nhiệm, quyền hạn chung :

- Chịu trách nhiệm về quản lý TTXD theo quy hoạch trên địa bàn đưa nội dung công tác quản lý TTXD vào nề nếp.

- Quyết định giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về xây dựng, về bồi thường thiệt hại trong xây dựng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm quyền hạn của Chủ tịch UBND huyện, thị xã:

- Thường xuyên tổ chức chỉ đạo kiểm tra hoạt động của đội quản lý TTXD đô thị

- Ra các quyết định cưỡng chế theo thẩm quyền.

- Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì lập đầy đủ hồ sơ (có đề nghị ý kiến xử lý) trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Chủ trì thực hiện các quyết định xử lý của UBND tỉnh.

3. Thẩm quyền ra quyết định xử phạt của Chủ tịch UBND huyện, thị xã căn cứ vào Điều 33 Nghị định 48/CP ngày 5-5-1997 của Chính phủ.

**Điều 11:** Trách nhiệm, quyền hạn của đội quản lý trật tự xây dựng đô thị của huyện, thị (Đội quản lý TTXD-ĐT).

1. Tham mưu cho UBND huyện, thị về việc thực hiện Nghị định 48/CP trên địa bàn, thụ lý hồ sơ vi phạm, đề xuất ý kiến, tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện, thị xử lý trường hợp vi phạm cụ thể.

2. Cử cán bộ theo dõi chỉ đạo tổ công tác phường, xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý TTXD. Hướng dẫn nghiệp

vụ cho UBND phường, xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý TTXD, phối hợp với các lực lượng thực hiện quyết định xử lý của chủ tịch xã, phường, thị trấn.

3. Giúp UBND huyện, thị thực hiện chức năng kiểm tra, phúc tra, giám sát đôn đốc UBND xã, phường, thị trấn trong công tác quản lý TTXD; trực tiếp kiểm tra, lập biên bản các trường hợp vi phạm mà UBND xã, phường, thị trấn chưa kiểm tra, xử lý và phối hợp UBND xã, phường, thị trấn xử lý hoặc báo cáo UBND huyện, thị xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Chủ trì tổ chức và phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện các quyết định xử lý cưỡng chế của UBND huyện, thị xã.

5. Tham gia hòa giải các khiếu nại, tố cáo tranh chấp về xây dựng và bồi thường thiệt hại trong xây dựng.

**Điều 12:** Trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Địa chính.

1. Tham mưu cho UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh điều hành chung công tác quản lý và xử lý vi phạm thuộc lĩnh vực của sở, ngành mình quản lý.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ cho UBND các huyện, thị trong công tác quản lý và xử lý vi phạm thuộc lĩnh vực sở, ngành mình quản lý.

3. Giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, đôn đốc UBND các huyện, thị trong công tác quản lý và xử lý vi phạm thuộc lĩnh vực sở, ngành mình quản lý.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện giấy phép, quyết định do sở, ngành mình ban hành. Chủ động phối hợp với địa phương, khi cần thiết trực tiếp kiểm tra, lập biên bản đình chỉ các trường hợp vi phạm giấy phép, quyết định, quy định của sở, ngành mình và UBND tỉnh ban hành mà UBND xã, phường, thị trấn; UBND huyện, thị chưa

kiểm tra xử lý; lập hồ sơ vi phạm chuyển UBND xã, phường, thị trấn hoặc UBND huyện, thị báo cáo UBND tỉnh quyết định xử lý theo thẩm quyền.

Thanh tra của sở, ngành là đầu mối giúp giám đốc sở, ngành thực hiện các nhiệm vụ nói trên.

5. Giám đốc Sở Xây dựng là đầu mối giúp UBND tỉnh tổng hợp theo dõi chung tình hình quản lý TTXD trên địa bàn toàn tỉnh.

**Điều 13:** Trách nhiệm, quyền hạn của các sở, ngành liên quan:

### **1. Sở Giao thông - Vận tải:**

Chỉ đạo thanh tra chuyên ngành giao thông (đã được thành lập theo quy định tại Nghị định số 80/CP ngày 5-12-1996 của Chính phủ). Tổ chức thực hiện quản lý và xử phạt các hành vi vi phạm xây dựng chỉ giới an toàn hành lang đường bộ, đường sông, đường sắt.

### **2. Kho bạc Nhà nước tỉnh :**

a) Tổ chức việc thu và quản lý tiền xử phạt thu được từ các trường hợp vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định 48/CP, quy định của Bộ Tài chính, thống nhất với UBND huyện, thị quy định cụ thể các điểm thu tiền phạt cho từng phường, xã, thị trấn.

b) Hướng dẫn thủ tục, mẫu chứng từ, chế độ sổ sách, kiểm tra, đối chiếu các khoản thu từ tiền phạt.

### **3. Sở Tài chính - Vật giá :**

Hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền phạt theo quy định của Nhà nước, của Bộ Tài chính và UBND tỉnh, đề xuất kế hoạch và biện pháp giải quyết đối với việc sử dụng các khoản thu này để UBND tỉnh xem xét, quyết định, chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh kiểm tra, giám sát việc thu tiền phạt và sử dụng tiền phạt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá tổ chức soạn thảo quy định cụ thể về chế độ các khoản thu phạt, tịch thu tang vật, phương tiện theo quy định của Nghị định 48/CP, báo cáo Bộ Tài chính và trình UBND tỉnh xem xét ban hành, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tham gia công tác xử phạt hành chính thực hiện đúng quy định của pháp luật.

### **4. Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh :**

a) Chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Địa chính và các sở, ngành liên quan lập đề án tiến hành các thủ tục để thành lập thanh tra chuyên ngành theo quy định của Nghị định 48/CP.

b) Nghiên cứu, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung cán bộ, tăng cường năng lực cho các lực lượng quản lý TTXD, trước hết là đội quản lý TTXD-ĐT của UBND thị xã Phủ Lý.

### **5. Công an tỉnh :**

Giao nhiệm vụ cụ thể cho lực lượng cảnh sát tổ chức thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Điều 36 của Nghị định 48/CP, giúp UBND các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý TTXD, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn khi thực hiện quyết định cưỡng chế của UBND các cấp.

### **6. Sở Công nghiệp và Điện lực Hà Nam :**

Phối hợp chặt chẽ với UBND xã, phường, thị trấn; UBND huyện, thị tăng cường kiểm tra phát hiện kịp thời xử lý kiên quyết ngay từ đầu đối với các công trình hạng mục công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

### **7. Các sở, ngành khác :**

Phối hợp với UBND các cấp giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan tới sở, ngành trong việc thực hiện Nghị định 48/CP của Chính phủ.